



**BIA
SAIGON®**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

 Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

 www.wsb-sabeco.com.vn

 02923 843 333

 02923 843 222



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

www.wsb-sabeco.com.vn



2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề, địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

- 01 Thông tin khái quát
- 02 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 03 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 04 Định hướng phát triển
- 05 Các rủi ro





Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY	Địa chỉ:	Khu công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Tên tiếng anh:	WESTERN - SAIGON BEER JOINT STOCK COMPANY	Số điện thoại:	02923 843 333
Tên viết tắt:	WESABECO	Số fax:	02923 843 222
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	1800586579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 13/4/2005, thay đổi lần 10 ngày 18/02/2022	Website:	www.wsb-sabeco.com.vn
Vốn điều lệ:	145.000.000.000 đồng	Mã cổ phiếu:	WSB
		Sàn giao dịch:	UPCOM



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Hai Nhà máy được chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần:

Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ được chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, theo giấy đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở KH&ĐT TP Cần Thơ cấp lần đầu ngày 13/04/2005, có vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng, trong đó, Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng được chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, theo giấy đăng ký kinh doanh số: 5903000034 do Sở KH&ĐT Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/04/2005 có vốn điều lệ là 55.000.000.000 đồng, trong đó, Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.



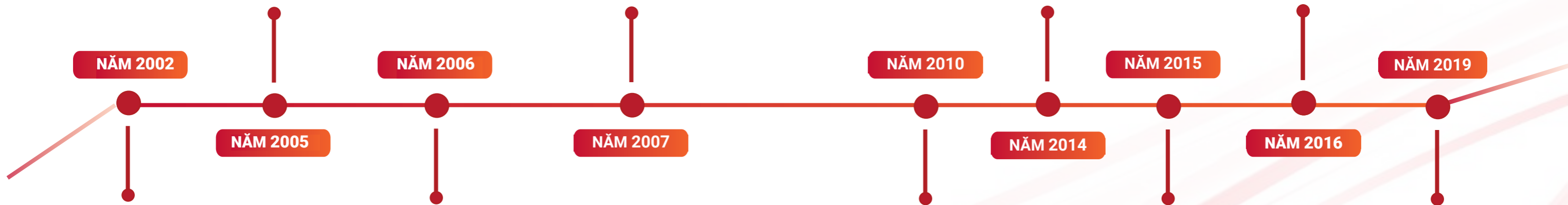
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, chiếm 20% vốn điều lệ và trở thành Công ty liên kết với đơn vị này. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây chính thức trở thành Công ty đại chúng (29/06/2007).



Ngày 01/01/2014, Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng 2 (thuộc Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng) chính thức đưa vào khai thác (sản xuất thương mại), với công suất thiết kế 50 triệu lít/năm, sản phẩm chính là Bia lon Sài Gòn các loại.



Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng (cũ) chính thức giải thể theo Quyết định số 29/2016/ QĐ-HĐQT ngày 29/4/2016. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây tròn 10 năm hình thành và phát triển, đón nhận huân chương lao động hạng nhì do Chủ tịch nước trao tặng.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây tiền thân là 2 nhà máy, bao gồm: Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ thành lập năm 2000, trực thuộc Tổng Công ty Bia–Rượu–NGK Sài Gòn và Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng thành lập năm 1995, trực thuộc tỉnh Sóc Trăng, trở thành nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn từ năm 1999.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng được hợp nhất thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây theo giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 1 số 5703000144 do Sở KH&ĐT TP Cần Thơ cấp ngày 06/06/2006, với vốn điều lệ là 145.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

Ngày 10/08/2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán WSB.

Dự án “Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn- Cần Thơ” hoàn thiện và đi vào hoạt động với công suất 50 triệu lít/năm. Sản phẩm chính là Bia chai Sài Gòn các loại.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây đổi mới bao bì các sản phẩm do Công ty sản xuất theo chủ trương chung của SABECO với dấu ấn rồng lên thể hiện được niềm tự hào dân tộc và khát vọng vươn xa, vươn cao của người Việt.



SABECO



CÁC THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

2013

- Huân chương lao động hạng ba cho tập thể Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy bia Sài Gòn - Cần Thơ và Nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
- Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2013” do Bộ Công thương trao tặng cho 03 tập thể: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy bia Sài Gòn - Cần Thơ và Nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
- Bảng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương cho 03 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013 bao gồm: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
- Bảng khen Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ tặng cho Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây đã có thành tích xuất sắc trong công tác SXKD năm 2013

2014

- Huân chương lao động hạng ba cho tập thể Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng;
- Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2014” do Bộ Công thương trao tặng cho các tập thể Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ, Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.

2015

- Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua 2015” của Bộ Công thương trao tặng cho tập thể Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ.

2016

- Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng cho tập thể Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây.
- Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua 2016” do Bộ Công thương trao tặng cho tập thể Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây.





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH



Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;

Bán buôn đồ uống; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, nứa) và động vật sống (Kinh doanh, xuất khẩu nông sản, nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát; Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Kinh doanh phụ phẩm)...



Xay sát và sản xuất bột thô (Chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát);

Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;




Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;





ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các tỉnh miền Tây Nam Bộ như: Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau,...


(1) TRỤ SỞ VÀ NHÀ MÁY CHÍNH CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY


 Khu Công Nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ


 02923 843 333

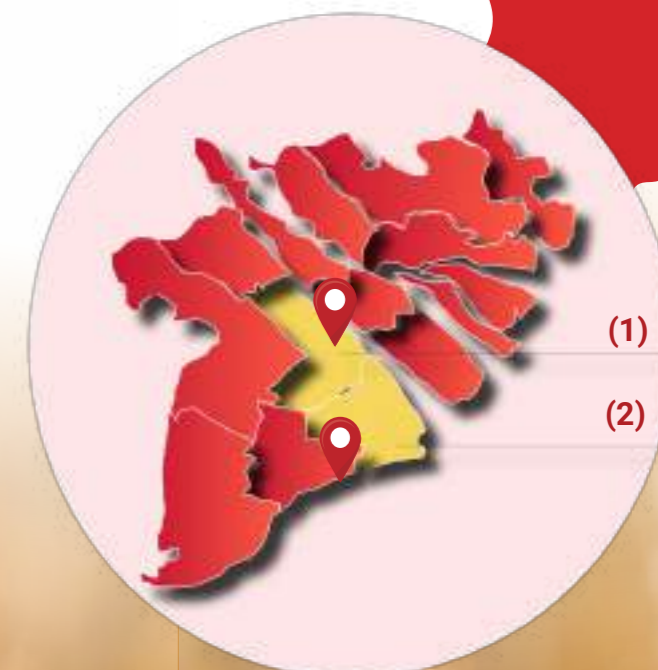
 02923 843 222

(2) CÔNG TY TNHH MTV BIA SÀI GÒN - SÓC TRĂNG

 Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

 02993 62 63 67

 02993 829 686



(1)

(2)



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hiện nay, mô hình quản trị của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan bao gồm:

-  **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
-  **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
-  **BAN KIỂM SOÁT**
-  **BAN GIÁM ĐỐC**

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

CÔNG TY TNHH MTV BIA SÀI GÒN - SÓC TRĂNG

Địa chỉ:	Lô S Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
Lĩnh vực SXKD chính:	Sản xuất bia, rượu
Vốn điều lệ thực góp:	200.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	100%



Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

Địa chỉ:	Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
Lĩnh vực SXKD chính:	Sản xuất bia, rượu, cồn, nước giải khát
Vốn điều lệ thực góp:	120.120.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	20%



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Quản lý sản xuất

Không ngừng cải tiến công nghệ, đồng bộ hệ thống dây chuyền sản xuất, thiết bị, đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm và cam kết đưa ra thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất;

Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật các vật tư nguyên vật liệu, năng lượng tại từng công đoạn trong quá trình sản xuất; đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm vật tư, năng lượng;

Duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015; ISO 22000:2018, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2017;

Phối hợp cùng đơn vị thương mại, vận tải giao hàng để đạt kế hoạch S&OP, giảm thời gian lưu kho bia; đồng thời phối hợp trong các hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm theo chủ trương của SABECO nhằm tăng mức tiêu thụ sản phẩm tại các khu vực mà Công ty giao hàng, nâng tầm thương hiệu Bia Sài Gòn.

Quản lý chi phí

Rà soát, điều chỉnh lại các quy trình thực hiện theo hướng tiết giảm chi phí, kiểm soát ngân sách từng bộ phận nhằm tăng hiệu quả kinh doanh của từng nhà máy;

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động điều hành nhằm đơn giản hóa thủ tục, tiết kiệm thời gian, nhân lực và các chi phí liên quan;

Tăng cường quản lý và luân chuyển dòng tiền hợp lý, tiết kiệm chi phí tài chính.

Phát triển nguồn nhân lực

Củng cố sự gắn kết và gia tăng hiệu quả làm việc của nhân viên bằng cách duy trì chính sách quản lý, đánh giá hiệu quả công việc theo hệ số hoàn thành (KPIs), thực hiện quy chế phân phối lương thưởng và phúc lợi cho người lao động;

Kiện toàn bộ máy tổ chức, duy trì thường xuyên công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng, đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm tạo dựng đội ngũ nhân sự kế thừa giỏi tay nghề, năng động và nhiệt huyết.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Gia tăng hiệu quả hoạt động của các nhà máy trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị và nhu cầu thị trường tại khu vực;



Chung tay cùng SABECO giữ vững và phát triển thị phần Bia Sài Gòn trong khu vực, duy trì và nâng cao chất lượng, uy tín các sản phẩm mang thương hiệu Bia Sài Gòn;



Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng suất và chất lượng, chú trọng đến sức khỏe và đời sống người lao động, tạo mọi điều kiện để nhân tài gắn bó, sáng tạo và cống hiến;



Chung tay thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.



CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM, MÔI TRƯỜNG VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Trong các yêu cầu, chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu và năng lượng là yếu tố hàng đầu mang tính quyết định. Để thực hiện được điều này, Công ty cam kết cung cấp đầy đủ các nguồn lực và tổ chức triển khai thực hiện theo chính sách:

- Sản xuất & cung cấp các sản phẩm Bia Sài Gòn đạt chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn SABECO quy định;
- Cam kết thực hiện nhất quán với Chính sách Môi trường, Chính sách phát triển bền vững, Chính sách quản lý nguồn nước do SABECO ban hành thông qua các hoạt động:

Chấp hành luật pháp hiện hành của Nhà nước, các chế định của các tổ chức chuyên ngành có liên quan;

Thực hiện tốt việc kinh doanh của Công ty cũng như quản trị rủi ro trên tất cả các khía cạnh có ảnh hưởng đến vận hành doanh nghiệp;

Phát huy ý nghĩa của việc bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường như văn hóa doanh nghiệp của Công ty;

Cố gắng giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, đến nguồn tài nguyên nước trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày cũng như trong chiến lược kinh doanh của Công ty bằng cách thực hành sử dụng tài nguyên nước, nguyên vật liệu sản xuất, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: đặt mục tiêu cụ thể về giảm lượng nước tiêu thụ, giảm mức tiêu hao năng lượng, giảm khí thải gây ô nhiễm môi trường, giảm lượng nước thải và rác thải;

Định kỳ xem xét và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý, cải tiến công nghệ, thiết bị, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống để gia tăng sự thỏa mãn các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Duy trì các hoạt động hỗ trợ cộng đồng góp phần cùng SABECO mang đến thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng”;

Tham gia tích cực trong các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương.



RỦI RO KINH TẾ

Bia là sản phẩm được tiêu thụ phụ thuộc rất nhiều vào thu nhập của người dân nên các biến động trong tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của ngành bia nói chung và Công ty nói riêng.

Bước vào năm 2021, nền kinh tế Việt Nam khởi đầu với nhiều lạc quan sau một năm chống dịch thành công và trở thành điểm sáng tăng trưởng của thế giới. Tuy nhiên, bắt đầu từ cuối tháng 5/2021, sự bùng nổ của làn sóng đại dịch Covid-19 lần thứ tư đã gây ra nhiều ảnh hưởng đối với nền kinh tế nước nhà.

- Lần đầu tiên từ khi thống kê GDP theo quý, Việt Nam ghi nhận một quý tăng trưởng âm (quý III, GDP giảm 6,17%). Tính chung 9 tháng đầu năm, GDP chỉ tăng 1,42%, đây là hệ quả của việc hoạt động sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, sức mua giảm mạnh vì lệnh giãn cách xã hội ở nhiều địa phương trên cả nước, đặc biệt là các tỉnh thành khu vực phía nam, nơi mà Công ty là một trong những đơn vị cung ứng chủ yếu.
- Giai đoạn từ tháng 10/2021 đến nay, khi các hoạt động kinh tế từng bước được khôi phục, chỉ số sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã khởi sắc trở lại.

Theo đó, tổng cầu của nền kinh tế giảm sâu nên chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm nay vẫn ở mức thấp so với mục tiêu 4% do Quốc hội đặt ra, đồng thời những khó khăn trong sản xuất cũng như lưu thông hàng hóa của nhiều Doanh nghiệp khiến cho giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ tăng cao, tạo áp lực lạm phát lên nền kinh tế vào năm 2022.

Ngành bia là một trong những ngành rất nhạy cảm với đại dịch, do bia được xếp vào mặt hàng không thiết yếu. Theo Tổng cục thống kê, ước tính chỉ số sản xuất bia các loại trong 9 tháng đầu năm giảm khoảng 8,7%; Nguyên nhân là do trong giai đoạn giãn cách xã hội, dịch vụ ăn uống, giải trí và du lịch ngưng trệ làm cho kênh phân phối tiêu dùng bia tại chỗ bị ảnh hưởng nghiêm trọng; từ đó gây sụt giảm mạnh doanh thu của các công ty trong ngành. Ý thức trước bối cảnh bất lợi này, Công ty đã từng bước thích nghi với tình hình mới và có những điều chỉnh về kế hoạch sản xuất, kinh doanh nhằm giảm thiểu thiệt hại, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận của Công ty.



Ý thức rõ trước bối cảnh bất lợi này, Công ty đã từng bước thích nghi với tình hình mới và có những điều chỉnh về kế hoạch sản xuất, kinh doanh nhằm giảm thiểu thiệt hại.

RỦI RO CẠNH TRANH

Việt Nam là thị trường tiềm năng tiêu thụ bia lớn, thu hút nhiều Công ty bia nước ngoài gia nhập.

Đồng thời, các hiệp định thương mại tự do trong suốt thời gian qua cũng góp phần gia tăng sự cạnh tranh của ngành bia trong nước, đặc biệt là phân khúc bia cao cấp có mẫu mã đẹp, thương hiệu lớn cùng các chiến dịch quảng cáo, hậu mãi rầm rộ nhằm vào thị hiếu của người tiêu dùng.

Trong những năm gần đây, bất chấp tác động kép từ dịch bệnh Covid-19 và Nghị định 100/2019/NĐ-CP, các công ty trong ngành bia đều lần lượt cho ra mắt và quảng bá các sản phẩm mới.



Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện tại, Công ty vẫn duy trì được nhiều lợi thế khi có chỗ dựa vững chắc từ Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn, với các sản phẩm được người tiêu dùng tin nhiệm.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Do hoạt động dưới hình thức công ty đại chúng nên Công ty chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Thuế, Luật Kế toán,... Ngoài ra, do đặc thù kinh doanh sản xuất bia nên Công ty cũng phải tuân thủ các văn bản pháp luật và chính sách có liên quan như Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật phòng chống tác hại của rượu, bia. Bất cứ sự thay đổi về luật pháp có liên quan sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã ban hành một số quy định với các tiêu chuẩn khắt khe hơn đối với việc sử dụng bia rượu và đồ uống có cồn nhằm hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng và những rủi ro khi tham gia giao thông tại Việt Nam, cụ thể:

- Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt tăng theo lộ trình, từ 2018 đến nay là 65%.
- Nghị định 100/2019/NĐ-CP liên quan đến việc xử phạt hành chính khi sử dụng bia rượu tham gia giao thông vẫn còn gây ra nhiều khó khăn và rào cản đối với các doanh nghiệp ngành bia.
- Một số văn bản pháp luật mới được ban hành gần đây như Nghị định 24/2020/NĐ-CP, Nghị định 117/2020/NĐ-CP đã quy định nghiêm ngặt về việc hạn chế việc quảng cáo rượu, bia trên các phương tiện truyền thông,...



Trong nhiều năm qua, Công ty đặc biệt chú trọng việc cập nhật, rà soát các điều luật mới, đảm bảo các hoạt động kinh doanh luôn hiệu quả, ổn định và tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên liệu chính của Công ty chủ yếu là như: lúa mạch, hoa houblon, ... Những nguyên liệu này phụ thuộc lớn vào nhóm ngành nông nghiệp và chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các yếu tố thời tiết, mùa vụ. Lúa mạch, houblon là nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ nước ngoài, sự sụt giảm sản lượng do mất mùa và khó khăn trong logistic đã tạo ra áp lực tăng giá nguyên liệu đầu vào của Công ty, từ đó làm gia tăng chi phí giá vốn hàng bán và gây ảnh hưởng bất lợi đến lợi nhuận của Công ty trong năm qua



Mặc dù Công ty có lợi thế lớn khi đa phần các đối tác cung cấp đầu vào của SABECO đều là các nhà cung cấp truyền thống, có năng lực và uy tín, gắn bó từ nhiều năm nhưng để tối thiểu rủi ro, Công ty cũng đã chủ động phối hợp với SABECO trong công tác đặt mua hàng, tồn trữ nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất.

RỦI RO KHÁC

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ,... gây ra những thiệt hại về con người, tài sản và tình hình hoạt động chung của Công ty. Mặc dù xác suất xảy ra những rủi ro rất thấp nhưng nếu xảy ra ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận và các kế hoạch kinh doanh của Công ty.



Nhận thức được điều này, Công ty vẫn luôn chủ động mua bảo hiểm cho nhân viên, mua bảo hiểm tài sản và bảo hiểm gián đoạn kinh doanh,... phối hợp với các bên liên quan để nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý các tình huống bất ngờ có thể xảy ra.



PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 01 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tổ chức và nhân sự
- 03 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 04 Tình hình tài chính
- 05 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 06 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

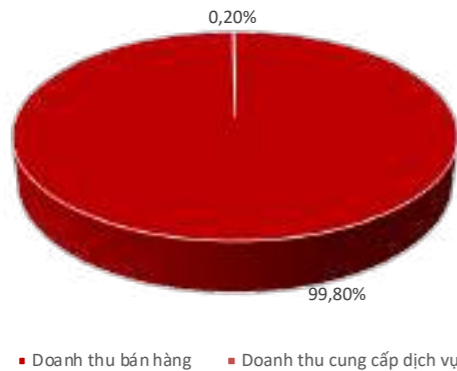


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

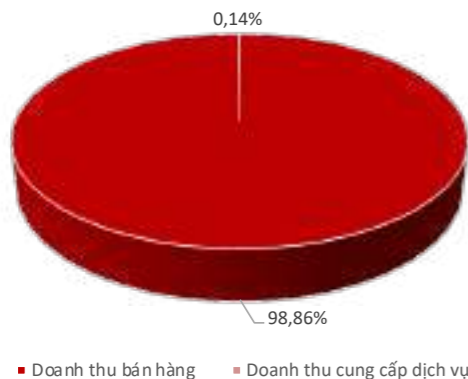
Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

Doanh thu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/ Giảm
Doanh thu bán hàng	816.357	99,80%	779.006	98,86%	-37.351	-4,58%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.675	0,20%	1.061	0,14%	-614	-36,66%
Tổng cộng	818.032	100%	780.067	100%	-37.966	-4,64%



Năm 2020



Năm 2021

Dưới tác động tiêu cực kép từ đại dịch Covid-19 và nghị định 100/2019/NĐ-CP, doanh thu của Công ty chịu tác động giảm so với cùng kỳ năm trước do quy định giãn cách xã hội kéo dài. Theo đó, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2021 là 780.067 triệu đồng, tương đương với mức giảm 4,64%. Trong đó, mảng kinh doanh bán bia là nguồn doanh thu chính cho Công ty khi chiếm đến 98,23% tổng giá trị. Doanh thu cung cấp dịch vụ giảm 36,66%



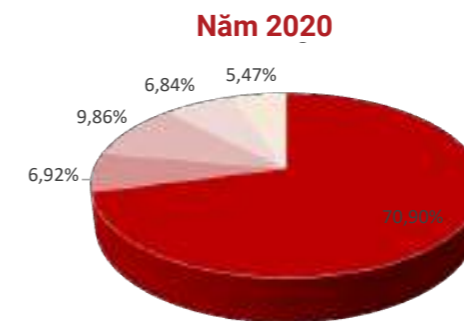
Cơ cấu chi phí sản xuất và kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

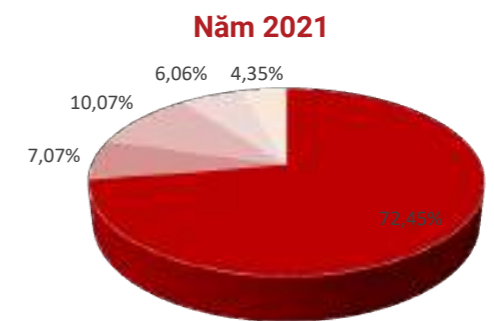
Chi phí	2020		2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/ Giảm
Chi phí nguyên liệu vật liệu	497.716	70,90%	498.122	72,45%	405	+0,08%
Chi phí nhân công	48.589	6,92%	48.591	7,07%	2	+0,00%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.207	9,86%	69.242	10,07%	35	+0,05%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.014	6,84%	41.638	6,06%	-6.375	-13,28%
Chi phí khác	38.424	5,47%	29.910	4,35%	-8.514	-22,16%
Tổng cộng	701.951	100%	687.503	100%	-14.448	-2,06%

Trong năm 2021, tổng chi phí của Công ty được ghi nhận là 687.503 triệu đồng, giảm nhẹ 2,06% so với năm trước. Trong đó:

- Do là đơn vị sản xuất nên chi phí nguyên vật liệu của Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí (chiếm khoảng 72%), tăng khoảng 0,08% so với năm 2020. Nguyên nhân là do chi phí các nguyên liệu đầu vào chính như malt, gạo... tăng dần qua các tháng trong năm.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định giữ tỷ trọng ổn định và biến động tăng không đáng kể so với năm trước.
- Các khoản mục còn lại như chi phí nhân công, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác duy trì mức tỷ trọng ổn định và có giảm so với cùng kỳ năm 2020.



Năm 2020



Năm 2021

Chi phí nguyên liệu vật liệu Chi phí nhân công
Chi phí khấu hao tài sản cố định Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2021
Tổng doanh thu	831.719	994.546	780.067	93,79%	78,43%
Lợi nhuận trước thuế	126.427	134.729	106.664	84,37%	79,17%
Lợi nhuận sau thuế	114.327	118.411	97.657	85,42%	82,47%

Làn sóng đại dịch Covid-19 lần thứ tư kéo dài khiến cho nền kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng nhiều lần rơi vào khủng hoảng. Giãn cách xã hội thời gian dài làm hai nhà máy của Công ty phải tạm dừng sản xuất hơn 2 tháng trong quý 3/2021. Trước tình hình trên, Công ty đã xây dựng các kịch bản, phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, đồng thời nỗ lực thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí để cân bằng lại lợi nhuận trước thuế của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực duy trì, nâng cao năng suất tại các nhà máy, gia tăng sản lượng sản xuất khi dịch bệnh dần được kiểm soát, đặc biệt là trong giai đoạn Tết Nguyên đán để từng bước khôi phục sản xuất và đẩy mạnh công tác giao hàng. Nhờ vậy mà sản lượng trong quý 4/2021 tăng đáng kể so với quý trước đó, giúp cải thiện phần nào doanh thu và lợi nhuận cho cả năm 2021.

Tuy kết quả kinh doanh không đạt được các chỉ tiêu đề ra từ đầu năm nhưng vẫn đảm bảo ở mức khả quan so với tình hình chung, cụ thể: tổng doanh thu đạt 794.646 triệu đồng (tương đương 79,90% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế đạt 97.657 triệu đồng (tương đương 82,47% kế hoạch). Đây là kết quả của sự cố gắng vượt qua khó khăn của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Công ty trong một năm đầy biến động.

Kết quả này là tiền đề để trong thời gian tới khi dịch bệnh được kiểm soát, mức tiêu dùng các sản phẩm bia phục hồi sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm tới tăng trưởng tốt hơn.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc	0	0
2	Ông Võ Văn Vân	Phó Giám đốc	0	0
3	Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc	0	0
4	Bà Trương Thị Mỹ Hồng	Kế toán trưởng	5120	0,04%

Giới thiệu BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lê Đăng Khoa

Giám đốc

- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thực phẩm, Cử nhân kinh tế

- **Kinh nghiệm làm việc:**
 - Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
 - Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
 - Trợ lý và tư vấn Ban giám đốc, Công ty Rượu-Bia-NGK Hậu Giang
 - Cán bộ giảng dạy, Trường Đại học Cần Thơ
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- **Số lượng cổ phần đại diện:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không

Ông Võ Văn Vân

Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- **Kinh nghiệm làm việc:**
 - Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
 - Phụ trách kế toán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
 - Kế toán trưởng, Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- **Số lượng cổ phần đại diện:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không

Ông Phạm Minh Quân

Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1988
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- **Kinh nghiệm làm việc:**
 - Phó Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
 - Trưởng Văn phòng đại diện, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây tại TP.HCM
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có
- **Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- **Số lượng cổ phần đại diện:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không

Bà Trương Thị Mỹ Hồng

Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật

Kinh nghiệm làm việc:

- Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ
- Trưởng phòng Tài chính – Kiểm toán nội bộ, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 5.120 cổ phiếu chiếm 0,04% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

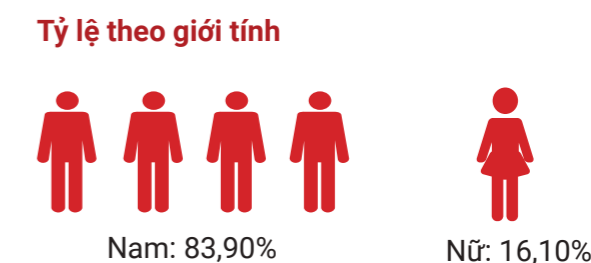
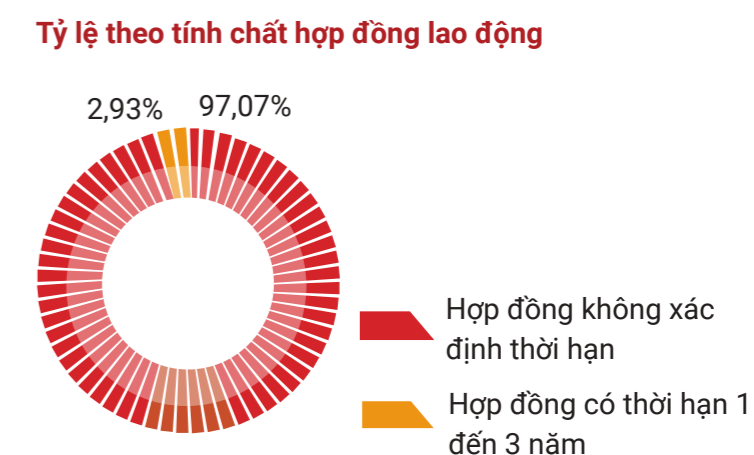
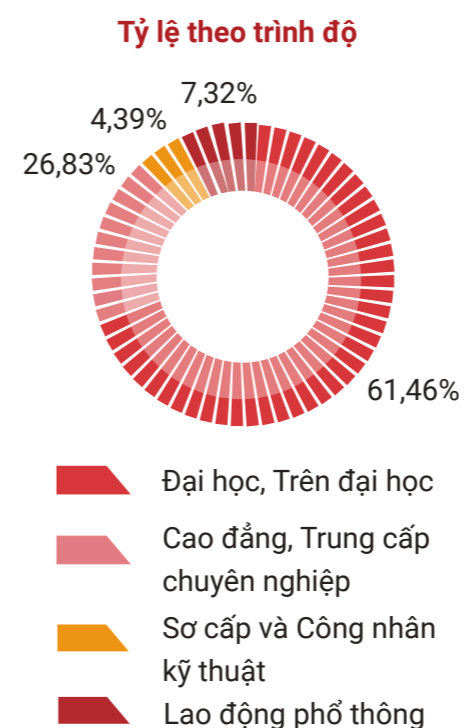
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2021

Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong năm 2021.



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Miền Tây	Sóc Trăng	Tổng cộng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	107	98	205	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	66	60	126	61,46%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	25	30	55	26,83%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	4	5	9	4,39%
4	Lao động phổ thông	12	3	15	7,32%
B	Theo thời hạn HĐLĐ	107	98	205	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0	0	0,00%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	2	4	6	2,93%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	105	94	199	97,07%
C	Theo giới tính	107	98	205	100%
1	Nam	94	78	172	83,90%
2	Nữ	13	20	33	16,10%





CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Thực hiện đúng nội dung của thỏa ước lao động tập thể; chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về lao động tiền lương, bảo hiểm, sức khỏe người lao động;

Chính sách trả lương, thưởng, phúc lợi rõ ràng, minh bạch và nhất quán theo chủ trương SABECO;

Chính sách lương nghỉ chờ việc trong giai đoạn ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 được áp dụng linh hoạt và đảm bảo đời sống cho người lao động;

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, đồng thời tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên;

Ghi nhận và đánh giá cao các đóng góp, sáng kiến của người lao động;

Các chế độ phúc lợi như nghỉ mát, team building, phong trào thể thao, giải trí: do ảnh hưởng của dịch bệnh nên năm 2021 chưa thể tổ chức đầy đủ, Công ty sẽ nối lại các hoạt động này khi được cho phép;

Số giờ các khóa đào tạo đã tham gia trong năm 2021 là 84 giờ.

KẾ HOẠCH NĂM 2022

- ✓ Tiếp tục duy trì và đảm bảo thu nhập đầy đủ cho người lao động, đặc biệt chú trọng cam kết liên quan đến các chính sách lương, thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Đồng thời xem xét kỹ lưỡng khi xây dựng lại quy chế lương, thưởng, đánh giá từng nhân viên đúng với năng lực làm việc và thăng tiến phù hợp với tình hình mới, thống nhất với SABECO;
- ✓ Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề cho người lao động;
- ✓ Tiếp tục duy trì môi trường làm việc năng động, sáng tạo và thân thiện, đủ sức giữ chân người tài.



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

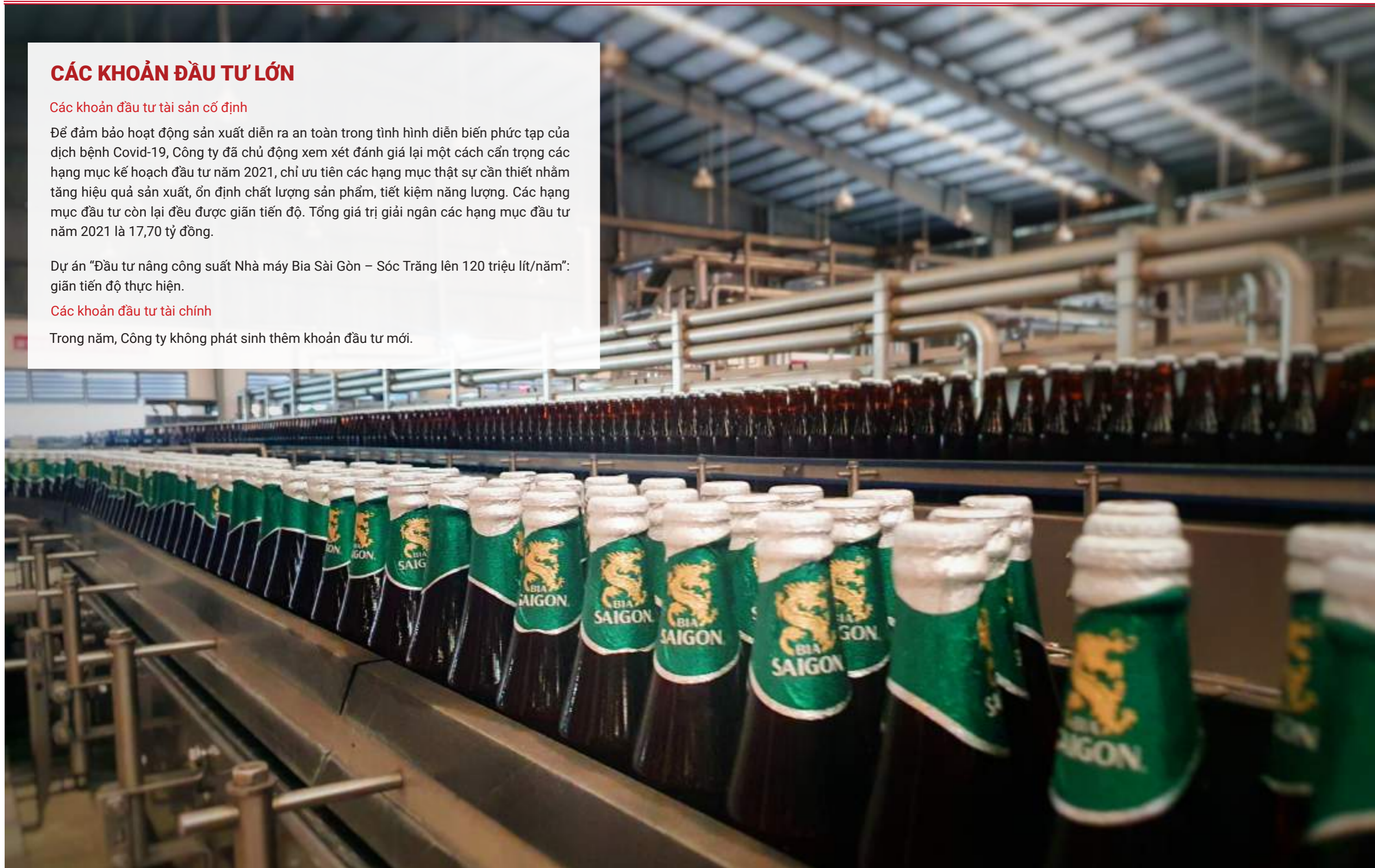
Các khoản đầu tư tài sản cố định

Để đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra an toàn trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã chủ động xem xét đánh giá lại một cách cẩn trọng các hạng mục kế hoạch đầu tư năm 2021, chỉ ưu tiên các hạng mục thật sự cần thiết nhằm tăng hiệu quả sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng. Các hạng mục đầu tư còn lại đều được giãn tiến độ. Tổng giá trị giải ngân các hạng mục đầu tư năm 2021 là 17,70 tỷ đồng.

Dự án “Đầu tư nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng lên 120 triệu lít/năm”: giãn tiến độ thực hiện.

Các khoản đầu tư tài chính

Trong năm, Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư mới.



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON: CÔNG TY TNHH MTV BIA SÀI GÒN – SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Lĩnh vực sản xuất chính: Sản xuất bia, rượu

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn của Công ty: 100% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của công ty con năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	Tăng/Giảm
Tổng tài sản	355.788	367.796	+3,38%
Doanh thu thuần	538.675	575.913	+6,91%
Giá vốn hàng bán	454.146	484.187	+6,61%
Doanh thu hoạt động tài chính	122	1.623	+1.230,33%
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	10.990	7.337	-33,24%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	73.661	86.012	+16,77%
Lợi nhuận khác	77	12	-84,42%
Lợi nhuận trước thuế	73.738	86.025	+16,66%
Lợi nhuận sau thuế	70.230	81.630	+16,23%

Tuy tình hình tiêu thụ khó khăn do dịch bệnh và giãn cách xã hội nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty con vẫn đạt 126% kế hoạch kinh doanh năm và vượt 16,23% so với thực hiện năm 2020.

Tình hình tài chính ổn định, đến 31/12/2021 Công ty con không còn nợ vay ngắn hạn, vay dài hạn.

CÔNG TY LIÊN KẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

Địa chỉ: Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Lĩnh vực sản xuất chính: Sản xuất bia, rượu, cò, nước giải khát

Vốn điều lệ: 120.120.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn của Công ty: 20% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết năm 2021

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	Tăng/Giảm
Tổng tài sản	306.015	286.841	-6,27%
Doanh thu thuần	195.694	165.397	-15,48%
Giá vốn hàng bán	173.406	150.596	-13,15%
Doanh thu hoạt động tài chính	39	30	-23,08%
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	19.320	13.746	-28,85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.006	1.085	-63,91%
Lợi nhuận khác	68	40	-41,18%
Lợi nhuận trước thuế	3.074	1.125	-63,40%
Lợi nhuận sau thuế	2.575	208	-91,92%

Năm 2021, doanh thu thuần của Công ty giảm 15,48% so với thực hiện năm 2020 do sản lượng tiêu thụ giảm, từ đó dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm sâu, giảm đến 91,92% so với cùng kỳ năm trước.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô: 1.891.807 cổ phiếu

Thoái vốn khoản đầu tư cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, lợi nhuận thu về 4,2 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	837.167	859.292	+2.64%
Doanh thu thuần	818.032	780.067	-4.64%
Giá vốn hàng bán	680.948	668.271	-1.86%
Lợi nhuận gộp	137.084	111.796	-18.45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	125.854	106.788	-15.15%
Lợi nhuận khác	573	-125	-121.72%
Lợi nhuận trước thuế	126.427	106.664	-15.63%
Lợi nhuận sau thuế	114.327	97.657	-14.58%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	6.988	5.927	-15.18%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,61	1,87
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,21	1,53
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,68	19,03
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	24,50	23,50
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	44,76	60,09
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,36	11,36
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,92	0,92
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	13,98	12,52
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	17,36	14,28
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	12,91	11,51
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15,38	13,69



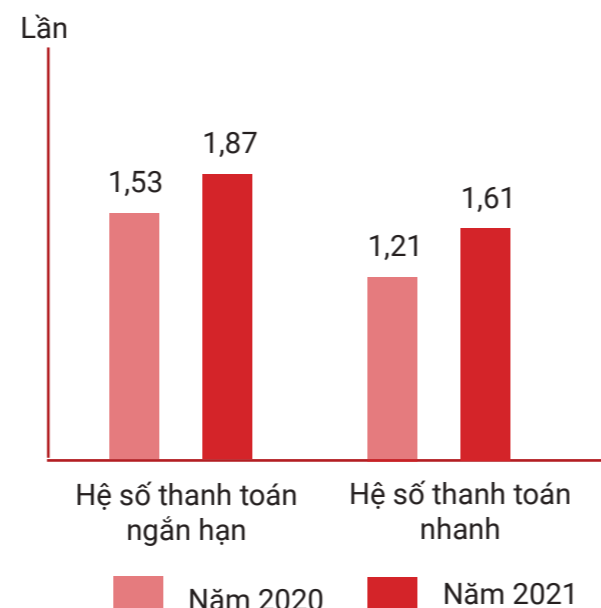


Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2021 có xu hướng tăng so với cùng kỳ, lần lượt đạt 1,87 lần và 1,53 lần (tăng 0,26 lần và 0,32 lần). Đây là tín hiệu tích cực về khả năng thanh khoản của Công ty giúp duy trì hoạt động kinh doanh trước bối cảnh khó khăn trong năm qua.

Nguyên nhân của biến động trên là do sự gia tăng tài sản ngắn hạn trong khi Công ty vẫn duy trì cấu trúc vốn với tỷ lệ nợ ngắn hạn thấp trong nhiều năm qua, cụ thể:

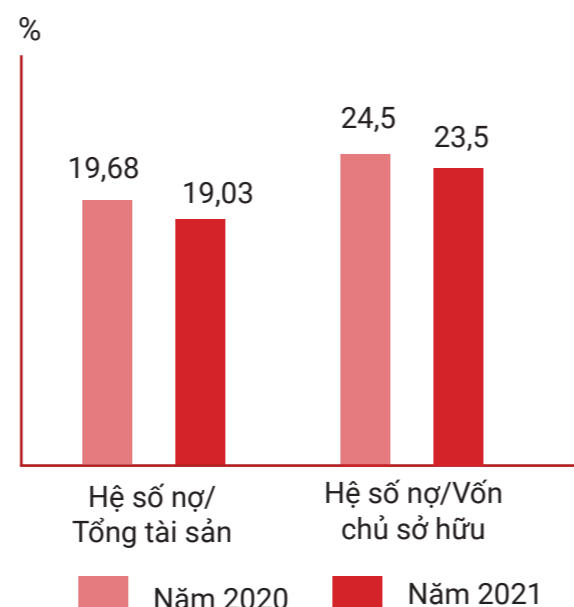
- Các khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn năm 2021 đạt 140.400 triệu đồng, tăng 28,07% (tương ứng với 30.771 triệu đồng); các khoản mục tiền và tương đương tiền tăng 39,41% (tương ứng với 25.362 triệu đồng) so với năm trước.
- Phần lớn nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều là vốn tự có và hạn chế đi vay từ bên ngoài, điều này giúp Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn phải trả.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

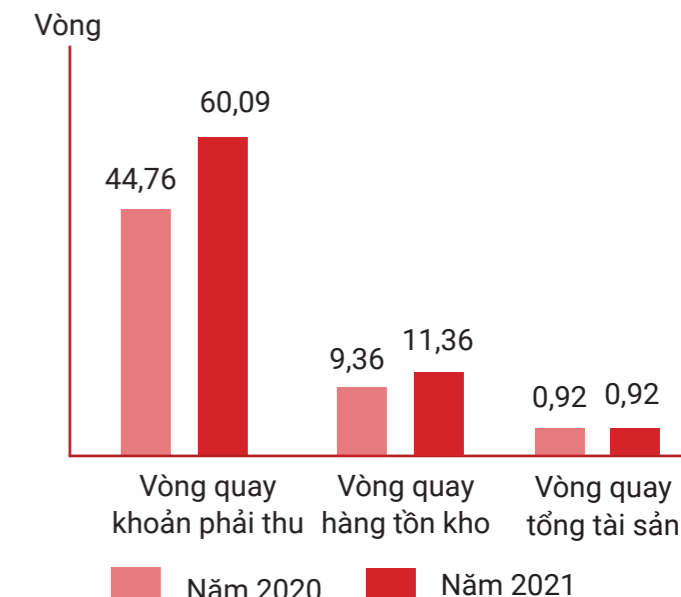
Tài sản ngắn hạn ghi nhận mức tăng trưởng 15,80% (tăng 40,16 tỷ đồng), trong đó các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn lần lượt tăng 39,41% (tương đương 25,45 tỷ đồng) và 82,07% (tương đương 35,77 tỷ đồng). Đồng thời, vốn chủ sở hữu tăng 3,47% (tương đương 23,32 tỷ đồng) so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ mức tăng trong khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong khi đó, nợ phải trả chỉ giảm nhẹ 0,39% (tương đương 0,61 tỷ đồng) so với năm trước.

Như vậy, với sự tăng trưởng cao trong tổng tài sản và vốn chủ sở hữu trong khi nợ phải trả vẫn giữ ở mức ổn định khiến cho các chỉ số về cơ cấu vốn giảm so với năm 2020. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt được ghi nhận là 19,93% và 23,05%.



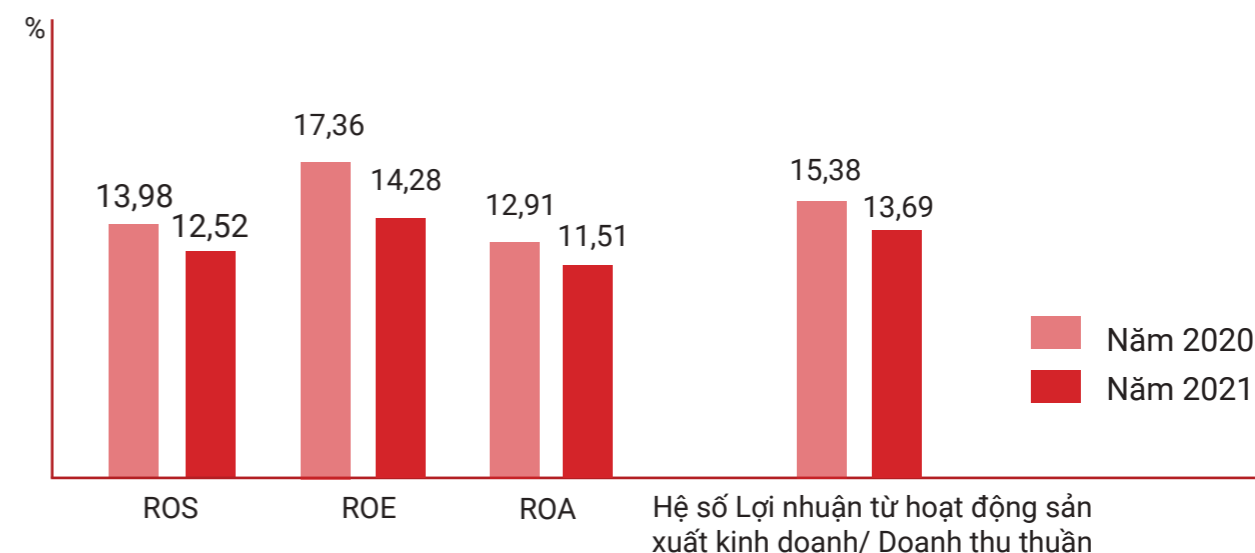
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2021 có chuyển biến tích cực hơn so với năm 2020. Vòng quay khoản phải thu đạt 23,56 vòng, tăng gấp 1,34 lần so với năm trước, chủ yếu do việc thu tiền bán hàng nhanh hơn. Việc gia tăng giá vốn hàng bán cùng với sức tiêu dùng bìa giảm mạnh vào quý 3/2021 khiến Công ty tích trữ ít nguyên vật liệu và hàng hoá hơn so với năm trước. Theo đó, vòng quay hàng tồn kho đạt 11,36 vòng, tăng so với năm trước. Ngoài ra, vòng quay tổng tài sản vẫn duy trì ở mức 0,92 vòng mặc dù doanh thu giảm, từ đó cho thấy công ty luôn nỗ lực hướng đến việc sử dụng có hiệu quả các nguồn tài sản của mình để tạo ra doanh thu.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2021, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động không nhỏ từ đại dịch Covid-19, theo đó, lợi nhuận sau thuế được ghi nhận là 97.657 triệu đồng, giảm 16.669 triệu đồng tương ứng 14,58%. Điều này làm cho các hệ số ROS, ROE, ROA và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần lần lượt đạt 12,52%; 14,28%; 11,51% và 13,69%, giảm nhẹ so với năm trước. Tuy nhiên, các chỉ số về khả năng sinh lời vẫn đảm bảo ở mức cao. Tình hình dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế phục hồi trở lại, khả năng sinh lời sẽ được cải thiện.

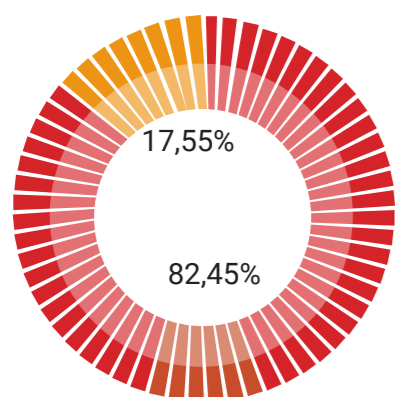


CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	14.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	14.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phần
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng / cổ phần
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	Không
Cổ đông lớn:	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (Sở hữu 7.395.000 cổ phiếu - 51,00%)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG: Danh sách cổ đông tính đến ngày 14/12/2021 là 789 cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	734	11.955.610	82,45%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	4	7.494.900	51,69%
3	Cổ đông cá nhân	730	4.460.710	30,76%
II	Cổ đông nước ngoài	55	2.544.390	17,55%
1	Cá nhân	46	1.152.120	7,95%
2	Tổ chức	9	1.392.270	9,60%
Tổng cộng (I+II)		789	14.500.000	100,00%



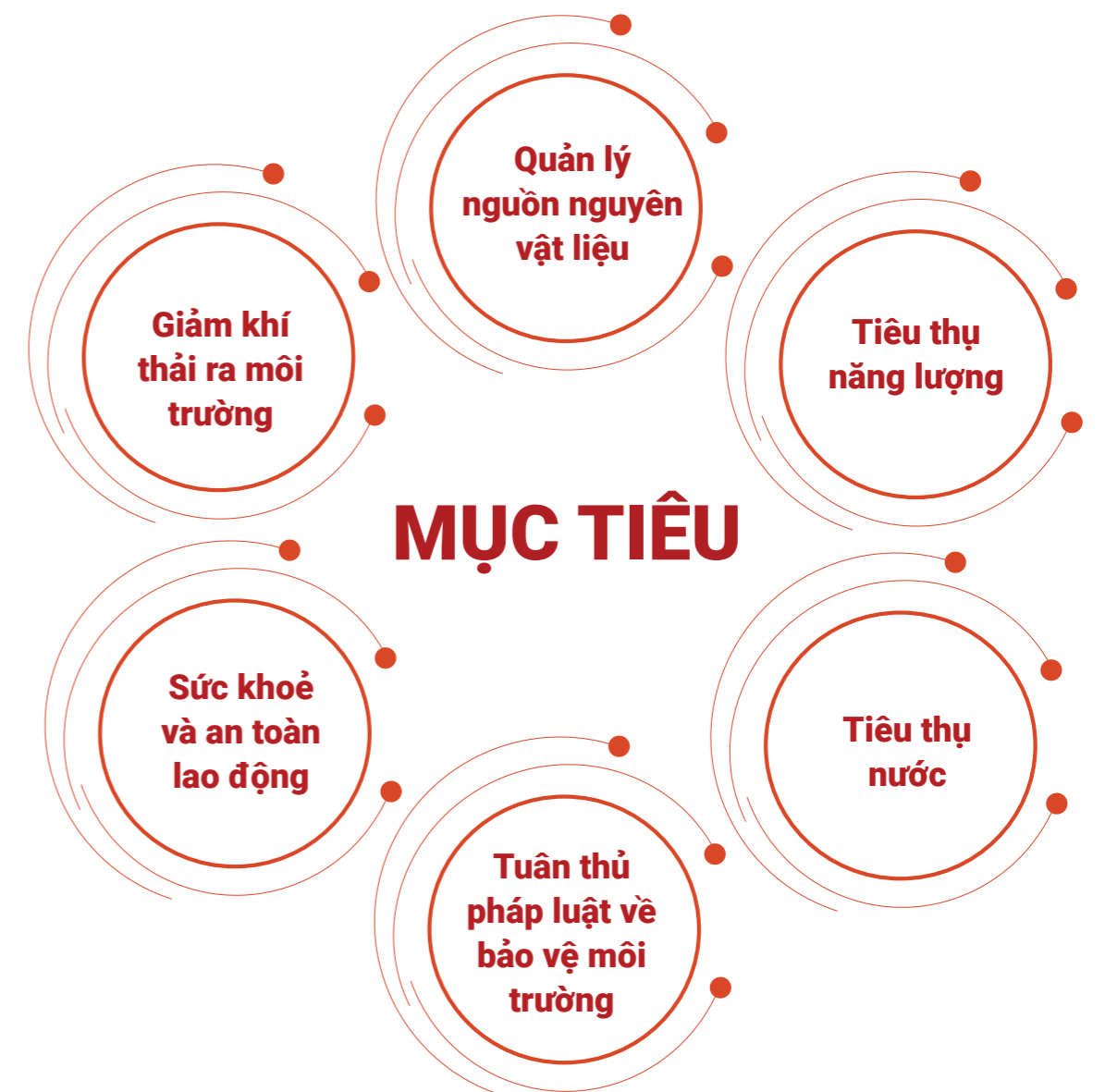
■ Cổ đông trong nước
■ Cổ đông nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Công ty nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và chủ động thực hiện các biện pháp để giảm tác động tiêu cực đến môi trường, các mục tiêu cụ thể như sau:



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Giảm khí thải ra môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Trong quá trình sản xuất, các nhà máy của Công ty sử dụng năng lượng khá lớn cho hoạt động nấu bia và lên men chính, quá trình chiết sản phẩm cũng dùng năng lượng vì thế phát sinh một số khí thải bao gồm:

- Khí CO₂: Sinh ra trong quá trình lên men chính. Khí này được Công ty tận thu nhờ thiết bị thu hồi để sử dụng cho quá trình sản xuất bia;
- SO₂, NO_x, CO₂,

Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Trong những năm qua, Công ty luôn theo sát định hướng phát triển bền vững thể hiện qua ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, hạn chế tối đa các nguồn ô nhiễm do quá trình sản xuất gây ra, cụ thể:

- Đảm bảo hệ thống máy lạnh không bị rò rỉ;
- Thay thế các nguồn nhiên liệu sản sinh ra nhiều khí và bụi bằng các nguồn năng lượng sạch như nhiên liệu sinh khối hoặc khí sinh học (gián tiếp qua việc dùng hơi từ đốt trấu thay cho dầu FO);
- Không ngừng ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại, loại bỏ các chất độc hại trong khâu chế biến để cho ra thị trường những sản phẩm có chất lượng tốt và ổn định;
- Duy trì hệ thống xả thải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đầu vào luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ, đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Trong quá trình sản xuất, Công ty luôn thực hiện chính sách tiết kiệm nguyên vật liệu, kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật cho từng nhà máy, giảm hao phí đến mức thấp nhất, cụ thể: 100% vỏ chai, kết dư hòng đều được thu gom và cung cấp lại cho các đơn vị tái sản xuất bao bì; 100% lượng hèm bia được chuyển cho đơn vị có đủ chức năng xử lý làm thức ăn gia súc, men thải cũng được đơn vị thu gom gần như triệt để.



Tiêu thụ năng lượng

Kiểm soát năng lượng là ưu tiên hàng đầu. Trong những năm qua, Công ty đã áp dụng nhiều giải pháp giúp cắt giảm lượng năng lượng cho sản xuất, góp phần cải thiện việc thải nhiệt và chất thải khác ra môi trường. Các giải pháp đã thực hiện bao gồm: xây dựng định mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu cho từng công đoạn sản xuất; cải tiến công nghệ, sử dụng thiết bị tiết kiệm điện; đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời nhằm tăng cường sử dụng nguồn năng lượng tự nhiên. Tổng lượng điện sử dụng trong năm 2021 là 9.371.236 kWh.

Trong năm 2022, cả 2 nhà máy của Công ty đều sẽ đưa vào sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái, công suất khoảng 1Mw/hệ thống.



Tiêu thụ nước

Hiện nay, Công ty sử dụng 100% lượng nước từ nguồn nước cấp của các đơn vị cấp nước trong thành phố, không khai thác và sử dụng nước ngầm. Trong sản xuất và sinh hoạt, Công ty đã và đang áp dụng nhiều sáng kiến nhằm tiết giảm và tái sử dụng hiệu quả nguồn nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Tái sử dụng nước RO để dùng trong sinh hoạt, vệ sinh nhà xưởng;
- Thực hiện lắp đặt hệ thống thu hồi nước mưa để sử dụng trong vệ sinh nhà xưởng, từ đó tiết kiệm được lượng nước sử dụng;
- Duy trì việc tái sử dụng nước thải sau xử lý (đạt loại A theo tiêu chuẩn môi trường) để tưới cây xanh, tái sử dụng nước nóng thanh trùng để sử dụng cho hệ thống CIP.

Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2021 là 372.134 m³.

Đối với nước thải:

- Nhà máy Cần Thơ: được xử lý đạt tiêu chuẩn loại A trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp
- Nhà máy Sóc Trăng: được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Cả 2 nhà máy đều được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định;

Công ty không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường trong năm 2021;

Toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ sản xuất kinh doanh đều được thu hồi đúng quy định về các kho chứa và được vận chuyển, xử lý bởi các đơn vị có đủ chức năng.





SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Công ty luôn trân trọng nguồn nhân lực vì đó là tài sản đặc biệt, việc thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với người lao động. 100% người lao động đều được khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp và trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đồng thời được đào tạo, huấn luyện định kỳ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

Để ứng phó với dịch bệnh Covid-19, Công ty đã chủ động tìm kiếm các nguồn vaccine, giúp người lao động tiếp cận sớm với vaccine, đến nay, 100% người lao động đã được tiêm phòng đầy đủ;

Công ty cũng rất quan tâm đến chính sách đào tạo nhân sự nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, kỹ năng làm việc của cán bộ công nhân viên của Công ty. Các chương trình huấn luyện nội bộ được thực hiện thường xuyên. Công tác an toàn lao động, an toàn điện, ... được thực hiện định kỳ bởi các chuyên gia từ các đơn vị đào tạo, giúp người lao động có đủ kỹ năng chuyên môn, nhận thức đầy đủ áp dụng vào công việc của mình;

Công ty đang ngày càng hoàn thiện chính sách lương thưởng, đãi ngộ, phúc lợi ổn định, phù hợp để tương xứng với công sức đóng góp, tạo động lực làm việc cho người lao động luôn gắn bó và đồng hành cùng Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn cam kết về điều kiện làm việc an toàn, ứng xử văn minh và được chăm sóc sức khỏe, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi của người lao động mà pháp luật quy định.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp là dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng. Chúng tôi hiểu rằng sự hiện diện của công ty tạo nên những ảnh hưởng nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng. Nhận thức được điều này, Công ty luôn hoàn thành trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn hoạt động. Chúng tôi cam kết tạo nên những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng. Trách nhiệm cộng đồng của Công ty được thể hiện thông qua:

- Sự thân thiện với môi trường: Nhà máy luôn đầu tư thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hiệu suất cao; duy trì cảnh quan nhiều cây xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường;
- Hoạt động của Công ty tạo công ăn việc làm cho 205 lao động định biên và hàng trăm lao động phổ thông tại địa phương với thu nhập ổn định, góp phần vào công tác an sinh xã hội;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật. Đây là niềm tự hào cho doanh nghiệp chúng tôi;
- Duy trì các hoạt động hỗ trợ cộng đồng tại địa phương theo phương châm “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”.



Trong năm qua, các hoạt động công tác xã hội mà Công ty đã thực hiện như sau:

Hỗ trợ phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng tại Sóc Trăng;

Xây dựng mái ấm Bia Sài Gòn cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn;

Đồng hành cùng chương trình “Tiếp sức Việt Nam” của SABECO để khích lệ tinh thần đoàn kết và san sẻ khó khăn, cùng vượt qua đại dịch, cung cấp máy thở, thiết bị y tế cho các cơ sở y tế, đơn vị tuyến đầu chống dịch và nhu yếu phẩm cho các hộ dân khó khăn trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 với tổng chi phí cho chương trình tại các tỉnh Miền Tây Nam Bộ là 1,5 tỷ đồng;

Trao tặng máy thở cho Bệnh viện 30 tháng 4 – tỉnh Sóc Trăng, kit test Covid-19 cho Bệnh viện đa khoa TP Cần Thơ với tổng chi phí hỗ trợ 0,5 tỷ đồng;

Thường xuyên đóng góp cho các chương trình tại địa phương khác như: tết cho người nghèo, trung thu cho trẻ em, quỹ phòng chống lụt bão, quỹ học bổng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn...



PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 01 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tình hình tài chính
- 03 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 04 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 05 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Sự ủng hộ nhiệt tình của sở, ban, ngành tại địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là Công ty con của Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn, Công ty nhận được nhiều sự hỗ trợ mạnh mẽ từ phía SABECO: tăng sản lượng giao hàng khi thị trường khu vực có nhu cầu, hỗ trợ kỹ thuật công nghệ trong quá trình sản xuất...

Ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết sách cụ thể đảm bảo hoạt động sản xuất duy trì hiệu quả, kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát chi phí, ổn định việc làm và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Sự chỉ đạo linh hoạt và toàn diện của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng nỗ lực của toàn thể người lao động đã góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2021, trong bối cảnh toàn cầu chịu ảnh hưởng từ sự lây lan của biến chủng Delta Covid-19, nền kinh tế cả trong và ngoài nước phải trải qua giai đoạn khó khăn và chịu nhiều tác động nặng nề. Trước bối cảnh đó, tình hình kinh doanh của ngành bia nói chung và Công ty nói riêng chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi tác động kép bao gồm sự bùng nổ của làn sóng Covid lần thứ tư, các quy định được ban hành gần đây của nhà nước về phòng chống tác hại của rượu bia. Những nguyên nhân trên đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021

Trong suốt năm qua, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều phương thức khác nhau để hoạt động kinh doanh được an toàn như: sản xuất 3 tại chỗ, chia team làm việc, làm việc online từ xa... Bên cạnh đó, việc rà soát và tiết giảm chi phí kinh doanh cũng được thực hiện quyết liệt.

- Doanh thu thuần đạt 780 tỷ đồng, giảm 4,64% so với năm 2020 do sản lượng tiêu thụ giảm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 97,7 tỷ đồng, đạt 82,47% kế hoạch.
- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 dự kiến là 30%.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

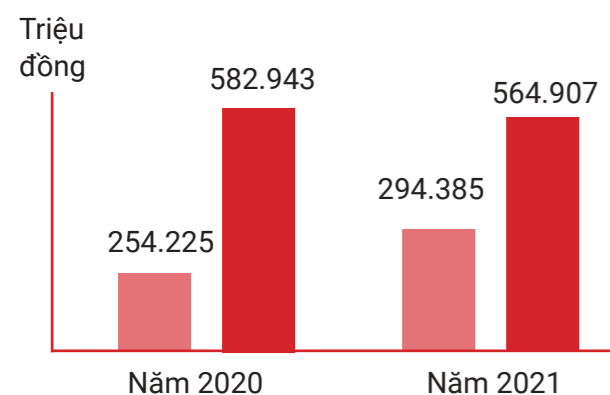
Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty luôn ưu tiên đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, sắp xếp lịch sản xuất phù hợp theo kế hoạch được giao, kiểm soát chặt định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng trong điều kiện sản xuất không liên tục. Trong công tác quản trị chi phí, Công ty tiến hành rà soát tiết giảm tối đa chi phí kinh doanh, quản trị tốt dòng tiền, ưu tiên giảm nợ vay, giảm chi phí tài chính, giãn tiến độ các hạng mục đầu tư chưa thực sự cần thiết vì mục tiêu tiết giảm chi phí, hạn chế tác động đến chỉ tiêu lợi nhuận. Ngoài ra, Công ty cũng linh động phối hợp với các đơn vị thương mại trong công tác giao hàng, đảm bảo tối đa hóa sản lượng theo kế hoạch S&OP. Đối với khâu quản lý chất lượng sản phẩm, Công ty luôn tuân thủ quy trình công nghệ đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, đạt tiêu chuẩn SABECO và an toàn vệ sinh thực phẩm.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/ Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	254.225	30,37%	294.385	34,26%	40.161	15,80%
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.350	25,31%	89.711	30,47%	25.362	39,41%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	109.629	43,12%	140.400	47,69%	30.771	28,07%
Các khoản phải thu ngắn hạn	16.641	6,55%	9.323	3,17%	-7.319	-43,98%
Hàng tồn kho	63.503	24,98%	54.145	18,39%	-9.358	-14,74%
Tài sản ngắn hạn khác	102	0,04%	806	0,27%	704	693,64%
Tài sản dài hạn	582.943	69,63%	564.907	65,74%	-18.036	-3,09%
Tài sản cố định	507.772	87,10%	443.505	78,51%	-64.267	-12,66%
Bất động sản đầu tư	4.963	0,85%	3.650	0,65%	-1.313	-26,46%
Tài sản dở dang dài hạn	726	0,12%	13.416	2,37%	12.691	1.748,86%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.918	9,25%	84.065	14,88%	30.146	55,91%
Tài sản dài hạn khác	15.564	2,67%	20.271	3,59%	4.707	30,24%
Tổng tài sản	837.167	100%	859.292	100%	22.125	2,64%



Tổng tài sản trong năm 2021 của Công ty được ghi nhận là 859 tỷ đồng, tăng 2,64% so với năm 2020. Trong đó, tài sản ngắn hạn và dài hạn lần lượt chiếm 34,26% và 65,74%. Năm vừa qua, tài sản lưu động có mức tăng trưởng khá mạnh là 15,8%, trong khi đó tài sản dài hạn giảm nhẹ 3,09% so với năm trước.

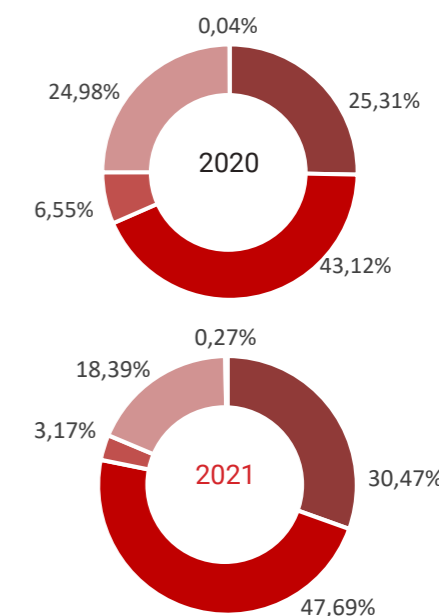
■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Tài sản ngắn hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho là các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.

Trong năm, các khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đạt 25.362 triệu đồng; đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 20.771 triệu đồng. Hai khoản mục này có sự gia tăng đáng kể, với mức tăng lần lượt là 39,41% và 28,07% với năm 2020. Nguyên nhân là do trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát mạnh và tình hình kinh tế diễn biến khó lường, Công ty đã đẩy mạnh việc nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao để có thể chủ động trong các kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, hàng tồn kho giảm 14,74% so với năm. Sự tăng trưởng mạnh trong giá trị các tài sản có tính thanh khoản cao đã bù đắp phần nào sự sụt giảm của các khoản mục khác, điều này giúp tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2021 đạt 40.161 triệu đồng, tương đương với mức tăng 15,8% so với năm 2020.

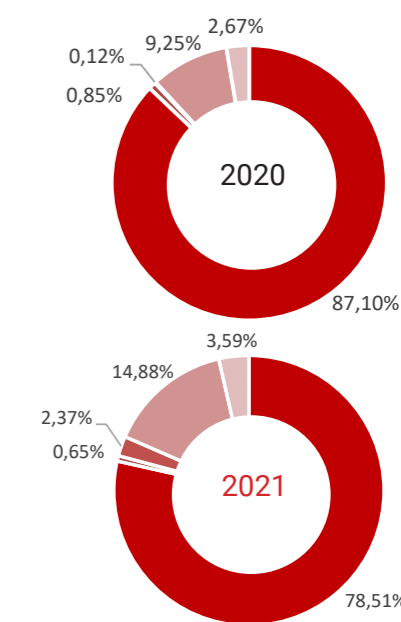


■ Tiền và các khoản tương đương tiền
 ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn
 ■ Các khoản phải thu ngắn hạn
 ■ Hàng tồn kho
 ■ Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn chiếm khoảng 66% trong tổng tài sản, giảm khoảng 3,09% so với cùng kỳ, chủ yếu do sự sụt giảm tài sản cố định. Mặc dù tính đến 31/12/2021, Công ty đã thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị và nhà cửa, vật kiến trúc với tổng mức đầu tư là 815 triệu đồng nhưng do giá trị khấu hao tài sản cố định năm 2021 tăng cao hơn làm cho tài sản cố định giảm so với năm trước.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện thoái vốn khoản đầu tư cổ phiếu vào Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng nhằm tập trung nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính. Từ đó có thể thấy rằng Công ty đã chủ động xem xét đánh giá lại một cách kỹ lưỡng và thận trọng các hạng mục đầu tư của mình, chỉ ưu tiên các hạng mục thật sự cần thiết nhằm tăng hiệu quả sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng.

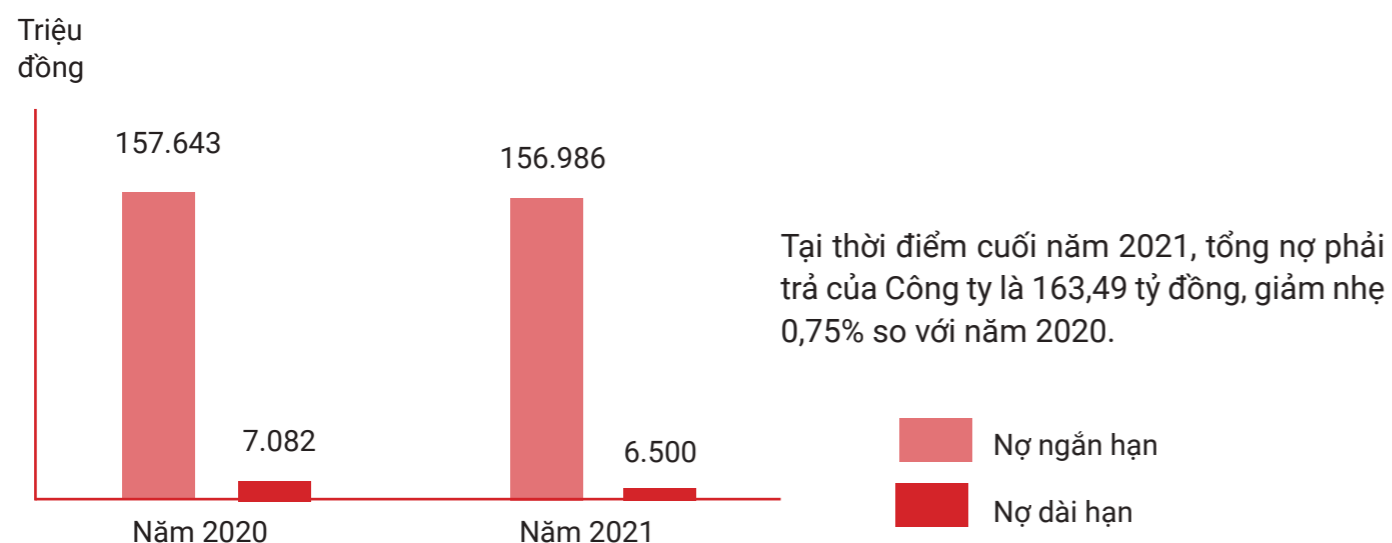


■ Tài sản cố định
 ■ Bất động sản đầu tư
 ■ Tài sản dở dang dài hạn
 ■ Đầu tư tài chính dài hạn
 ■ Tài sản dài hạn khác

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	157.643	95,70%	156.986	96,02%	-657	-0,42%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.939	8,21%	15.023	9,57%	2.084	16,11%
Thuế phải nộp Nhà nước	105.776	67,10%	101.854	64,88%	-3.923	-3,71%
Phải trả người lao động	8.818	5,59%	11.845	7,55%	3.026	34,32%
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.949	3,14%	4.447	2,83%	-503	-10,16%
Phải trả ngắn hạn khác	9.117	5,78%	9.063	5,77%	-54	-0,59%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.043	10,18%	14.755	9,40%	-1.289	-8,03%
Nợ dài hạn	7.082	4,30%	6.500	3,98%	-582	-8,21%
Phải trả dài hạn khác	511	7,22%	70	1,07%	-442	-86,39%
Dự phòng phải trả dài hạn	6.571	92,78%	6.430	98,93%	-140	-2,13%
Tổng nợ phải trả	164.725	100%	163.486	100%	-91.239	-0,75%

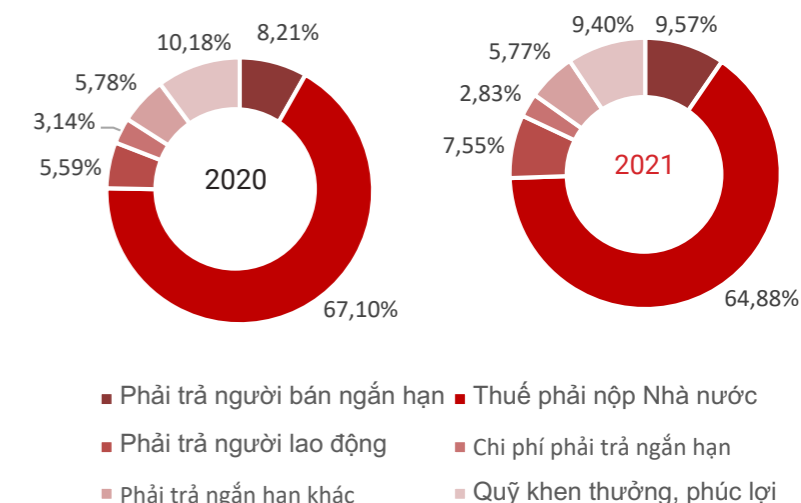


Nợ ngắn hạn

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng rất lớn (khoảng 96,02%), điều này cho thấy các chiến lược kinh doanh của Công ty vẫn ưu tiên sử dụng nợ ngắn hạn để tài trợ hoạt động kinh doanh.

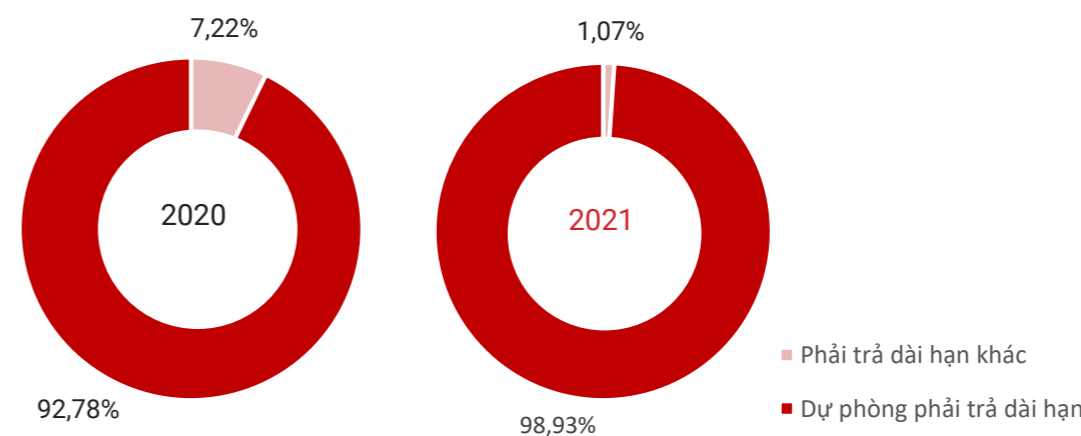
Thuế phải nộp Nhà nước và phải trả người bán ngắn hạn là hai khoản chiếm tỷ trọng lớn trong nợ ngắn hạn của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không còn các khoản vay ngắn hạn, điều này đã giúp Công ty không còn áp lực về khả năng thanh toán các khoản lãi vay trong ngắn hạn.



Nợ dài hạn

Nợ dài hạn được ghi nhận là 6.5 tỷ đồng, giảm 8,21% so với cùng kỳ. Cấu trúc vốn của Công ty luôn duy trì ở vùng an toàn trong tình hình kinh tế khó khăn để hạn chế rủi ro về dòng tiền, đảm bảo khả năng đối phó kịp thời với những thay đổi của thị trường.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2022	%KH 2022/ TH 2021
Tổng doanh thu	794.646	884.010	111%
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	268.149	316.746	118%
Lợi nhuận sau thuế	97.657	72.609	74%
Phân phối lợi nhuận, trong đó:			
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	5.072	5.435	107%
- Trích Quỹ Công tác xã hội	488	363	74%
- Chia cổ tức	43.500	43.500	100%
- Tỷ lệ chia cổ tức	30%	30%	100%
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	316.746	340.042	107%

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 01** Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 02** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- 03** Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, các chính sách chống dịch quyết liệt của nhà nước mà đỉnh điểm là giãn cách xã hội nhiều tỉnh thành trong thời gian dài khiến cho sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn nghiêm trọng.

Các nhà máy của Công ty đều đặt tại các tỉnh Miền Tây Nam Bộ - khu vực bị ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh - do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn.

Trong suốt quá trình quản lý, HĐQT cùng Ban điều hành đã phải áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn an toàn trong đại dịch, sức khỏe người lao động được đặt lên hàng đầu. Kết quả kinh doanh của Công ty tuy không đạt được các chỉ tiêu đề ra nhưng vẫn ở mức tốt.



CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM

- ☑ Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đúng quy định;
- ☑ Trả cổ tức năm 2020 đầy đủ, đã tạm ứng cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 15% cho cổ đông.
- ☑ Triển khai đồng bộ các biện pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã thông qua, trong đó ưu tiên tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh.
- ☑ Tổ chức họp HĐQT định kỳ theo đúng quy định về quản trị Công ty.
- ☑ Phê duyệt các hạng mục đầu tư theo kế hoạch và các nội dung có liên quan đến quá trình đầu tư.
- ☑ Chỉ đạo thoái vốn khoản đầu tư cổ phiếu vào Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, tập trung nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công tác giám sát Ban điều hành được thực hiện thường xuyên và theo quy định Điều lệ Công ty, đặc biệt là trong giai đoạn giãn cách xã hội và dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Theo đánh giá của HĐQT, trong năm 2021, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động công ty đã nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ

Kết quả hoạt động của Ban điều hành được thể hiện ở các nội dung sau:

- ☐ Thực hiện các giải pháp để nỗ lực tiết giảm chi phí trong bối cảnh tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, công tác quản lý tiêu hao sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất được đặt lên hàng đầu;
- ☐ Hoạt động sản xuất của 2 nhà máy trong giai đoạn dịch bệnh duy trì tốt; đời sống và sức khỏe người lao động vẫn đảm bảo;
- ☐ Chất lượng sản phẩm đảm bảo theo tiêu chuẩn SABECO, công tác giao hàng đáp ứng theo kế hoạch được giao;
- ☐ Thực hiện tốt công tác quản lý máy móc thiết bị, tiết kiệm chi phí bảo trì bảo dưỡng;
- ☐ Đối với quy trình đầu tư, Ban điều hành thực hiện theo hướng dẫn của các quy định hiện hành và đảm bảo tiêu chí lựa chọn được nhà thầu cạnh tranh tốt nhất về giá cả, chất lượng, tiến độ thực hiện;
- ☐ Ban điều hành tham mưu kịp thời cho HĐQT trong các công tác tổ chức, quản lý nhân sự, đầu tư và các công tác khác.
- ☐ Song song đó, công tác bảo vệ môi trường và các hoạt động liên quan đến cộng đồng xã hội cũng được Công ty quan tâm. Hoạt động của các nhà máy luôn được đảm bảo, duy trì môi trường sản xuất xanh sạch đẹp, tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, an sinh xã hội tại địa phương.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022, ngành bia vẫn còn tồn tại nhiều thách thức, thị trường tuy sẽ dịch chuyển theo xu hướng phục hồi nhưng còn chậm, dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn. Vì vậy, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHQĐĐ bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022, ưu tiên duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận tối ưu. HĐQT định hướng các nhiệm vụ quan trọng trong năm 2022 như sau:

- ☑ Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHQĐĐ bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022, ưu tiên duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận.
- ☑ Kiểm soát ngân sách và dòng tiền, đảm bảo chi phí sử dụng vốn tối ưu nhất trong sản xuất kinh doanh và đầu tư toàn Công ty.
- ☑ Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch.
- ☑ Đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty.



PHẦN 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

01

Hội đồng quản trị

02

Ban kiểm soát

03

**Các giao dịch, thù lao và các khoản
lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban
giám đốc và Ban kiểm soát**

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính tại ngày 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch HĐQT	0	0% VĐL
2	Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên HĐQT	0	0% VĐL
3	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT	0	0% VĐL
4	Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên HĐQT	30.000	0,21% VĐL
5	Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên HĐQT	238.000	1,64% VĐL



Giới thiệu HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Neo Gim Siong Bennett

Chủ tịch HĐQT

- **Năm sinh:** 1969
- **Quốc tịch:** Singapore
- **Trình độ chuyên môn:**
 - Cử nhân kỹ thuật chuyên ngành Cơ khí và Sản xuất
 - Chứng chỉ của Insead Business School (Fountainbleau – France)
 - Chương trình SEM Singapore Executive Program

• **Kinh nghiệm làm việc:**

- CEO – Thực phẩm, Fraser and Neave Limited
- CEO – YCH Group
- CEO – Hàng hải, EMAS Offshore Services Pte Ltd
- Giám đốc vùng, Asia Pacific Breweries Ltd (Singapore)
- Tổng giám đốc, ExxonMobil Unique (Việt Nam) Co Ltd

• **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**

- Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương
- Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam
- Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh
- Chủ tịch, Công ty TNHH Thủy tinh Malaya – Việt Nam

• **Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

• **Số lượng cổ phần đại diện:** 3.045.000 cổ phần chiếm 21,00% vốn điều lệ

• **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không



Ông Trần Nguyên Trung

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

- Phó trưởng Ban Kế toán – Thống kê, Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Trưởng BKS, Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm
- Trưởng BKS, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang
- Trưởng BKS, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Kế toán trưởng, Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi
- Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn
- Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn
- Thành viên BKS, Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm

• Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

• Số lượng cổ phần đại diện: 2.175.000 cổ phần chiếm 15,00% vốn điều lệ

• Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

- Giám đốc mua hàng, Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Chuyên viên kiểm soát, Công ty TNHH Tân Đại Hải

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc mua hàng, Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô
- Thành viên HĐQT, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng
- Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ

• Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

• Số lượng cổ phần đại diện: 2.175.000 cổ phần chiếm 15,00% vốn điều lệ

• Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Ông Phạm Đình Hùng

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1956
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- **Kinh nghiệm làm việc:**
 - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
 - Phó trưởng Ban cung ứng kiêm trưởng phòng Kế hoạch mua hàng, Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**
Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực thực phẩm Trường Sa
- **Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:** 30.000 cổ phiếu chiếm 0,21% vốn điều lệ
- **Số lượng cổ phần đại diện:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không



Ông Nguyễn Văn Đồi

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

- **Kinh nghiệm làm việc:**
 - Giám đốc Trung tâm kinh doanh Rượu Bia NGK, Công ty thực phẩm và dịch vụ Tổng hợp – Bộ Thương mại
 - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
 - Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Địa ốc và xây dựng SSG2
 - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long
- **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**
 - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long
 - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
 - Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Địa ốc và xây dựng SSG2
 - Giám đốc, Công ty Cổ phần Thương mại Sài Gòn 9
- **Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu:** 238.000 cổ phiếu chiếm 1,64% vốn điều lệ
- **Số lượng cổ phần đại diện:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** 1.193.400 cổ phần, chiếm 8,23% vốn điều lệ.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy mô hoạt động, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT cùng chỉ đạo và giám sát hoạt động theo năng lực chuyên môn của cá nhân với tinh thần và trách nhiệm cao nhất.






HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Trần Nguyên Trung	Thành viên	4/4	100%
3	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên	4/4	100%
4	Phạm Đình Hùng	Thành viên	4/4	100%
5	Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	4/4	100%

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: sản xuất/bán hàng; đầu tư; các hoạt động liên quan đến cổ đông, chia cổ tức; quản trị Công ty, công bố thông tin và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tất cả các thành viên HĐQT đều là thành viên không điều hành, có trình độ chuyên môn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả vào việc giám sát, chỉ đạo hoạt động của Công ty theo đúng các mục tiêu mà ĐHCĐ đã đề ra.

Các công việc chính đã được HĐQT thông qua và chỉ đạo triển khai thực hiện bao gồm:

-  Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;
-  Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2021. Kiểm soát các chỉ tiêu kinh doanh, giá thành sản xuất định kỳ hàng quý;
-  Tổ chức họp HĐQT định kỳ theo đúng quy định về quản trị Công ty;
-  Quyết toán trả cổ tức năm 2020 đầy đủ, đã tạm ứng cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 15%;
-  Phê duyệt các hạng mục đầu tư theo kế hoạch và các nội dung có liên quan đến quá trình đầu tư.

Bên cạnh đó, HĐQT cũng đảm bảo truyền thông đầy đủ đến cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý thông qua việc thực hiện chính sách công bố thông tin minh bạch và hiệu quả.

Tổng cộng trong năm đã có 19 nghị quyết HĐQT được ban hành để Ban điều hành làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Các Nghị quyết trong năm của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	04/01/2021	Phê duyệt các báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
2	02/2021/NQ-HĐQT	05/01/2021	Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2020.
3	03/2021/NQ-HĐQT	26/02/2021	Phê duyệt điều lệ Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng .
4	04/2021/NQ-HĐQT	16/03/2021	Phê duyệt thanh lý tài sản cố định, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021.
5	05/2021/NQ-HĐQT	15/04/2021	Liên quan đến mua nhà kho, nhân sự Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây, các vấn đề khác của Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.
6	07/2021/NQ-HĐQT	19/04/2021	Phê duyệt nội dung họp ĐHCĐ thường niên của Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô.
7	08/2021/NQ-HĐQT	19/04/2021	Chốt danh sách cổ đông quyết toán cổ tức năm 2020.
8	09/2021/NQ-HĐQT	16/7/2021	Phê duyệt chủ trương và kinh phí thực hiện xác nhận hoàn thành ĐTM tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.
9	10/2021/NQ-HĐQT	06/9/2021	Phê duyệt thực hiện hạng mục "Gia cố kèo thép nhà xưởng chiết - thành phẩm" tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.
10	11/2021/NQ-HĐQT	27/9/2021	Thông qua Báo cáo KQKD 6 tháng đầu năm, KH 6 tháng cuối năm; Phê duyệt chủ trương vay ngắn hạn tại Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây và Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng... và các nội dung khác.
11	12/2021/NQ-HĐQT	28/9/2021	Phê duyệt thoái vốn đầu tư tại Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng.
12	13/2021/NQ-HĐQT	19/10/2021	Phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.
13	14/2021/NQ-HĐQT	05/11/2021	Phê duyệt chủ trương thực hiện công tác xã hội hỗ trợ địa phương phòng chống dịch Covid-19.

Các Nghị quyết trong năm của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
14	15/2021/NQ-HĐQT	30/11/2021	Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021.
15	16/2021/NQ-HĐQT	30/11/2021	Bổ nhiệm TV.HĐTV Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.
16	17/2021/NQ-HĐQT	30/11/2021	Bổ nhiệm lại các Phó giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.
17	18/2021/NQ-HĐQT	24/12/2021	Thông qua Báo cáo KQKD 9 tháng đầu năm, KH quý 4; Chủ trương tạm ứng cổ tức đợt 1/2021; Thanh lý tài sản cố định;...
18	19/2021/NQ-HĐQT	24/12/2021	Phê duyệt dự toán, hình thức lựa chọn nhà thầu hạng mục "Đại tu máy nén lạnh trực vít Mycom 200L".
19	20/2021/NQ-HĐQT	27/12/2021	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục "Đầu tư thiết bị chống cấu cặn giàn ngưng tụ".

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có





THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên Ban kiểm soát

Giới thiệu BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Loan Anh

Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

- Phó phòng, phụ trách phòng kế toán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
- Phụ trách phòng kế toán, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng
- Kế toán tổng hợp, Công ty May Tây Đô
- Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Thủy Sản Panga Mekong

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Thành viên BKS, Công ty Cổ phần Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Ông Đoàn Tiến Dũng

Kiểm soát viên

- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

- Trưởng phòng Tài chính – Ban Tài chính Tổng hợp, Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Trưởng phòng kinh doanh, Công ty TNHH Vạn Thọ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Tài chính chiến lược, Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần TM Bia Sài Gòn Trung Tâm
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần TM Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ
- Thành viên BKS, Công ty Cổ phần TM Bia Sài Gòn Đông Bắc
- Thành viên BKS, Công ty Cổ phần TM Bia Sài Gòn Miền Trung

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

Ông Nguyễn Văn Doanh

Kiểm soát viên

- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

- Kế toán trưởng, Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Sài Gòn 9
- Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thiên Phú An
- Phó Phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
- Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không









HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban kiểm soát căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ để lên kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức họp định kỳ.

Các phiên họp của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự (%)
1	Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban	4/4	100%
2	Đoàn Tiến Dũng	Thành viên	4/4	100%
3	Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	4/4	100%

Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

-  Thực hiện giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo: Tình hình tài chính trung thực, hợp lý; Công tác kế toán, thống kê, ghi chép theo chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành; Các hoạt động sản xuất kinh doanh; Sự tuân thủ các quy chế quy định nội bộ; Sự chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty;
-  Soát xét kết quả kinh doanh năm 2020 và kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý năm 2021;
-  Xem xét hồ sơ, kết quả kiểm kê theo định kỳ của Công ty;
-  Xem xét tình hình triển khai các hạng mục đầu tư, sự tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình đầu tư;
-  Xem xét sự tuân thủ của Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng trong công tác tài chính - kế toán;
-  Được Hội đồng quản trị, Ban điều hành tạo điều kiện tham gia đầy đủ các phiên họp do HĐQT Công ty chủ trì, các cuộc họp của Ban điều hành để nắm bắt tình hình kinh doanh, những thông tin về quản trị điều hành của Công ty và tham gia ý kiến, đưa ra kiến nghị HĐQT, Ban Giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021

Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác của Công ty;

Thực hiện các chuyên đề đánh giá giám sát chuyên sâu trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hạn chế mọi rủi ro, gian lận xảy ra;

Phối hợp, thông tin liên lạc giữa các thành viên Ban kiểm soát cũng như các thành viên trong HĐQT, Ban điều hành Công ty;

Tham gia cùng với Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý trong Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2021 (triệu đồng)		
			Thù lao	Lương	Thưởng
I Hội đồng quản trị					
1	Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch	130	-	-
2	Trần Nguyên Trung	Thành viên	91	-	-
3	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên	91	-	-
4	Phạm Đình Hùng	Thành viên	91	-	-
5	Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	91	-	-
II Ban kiểm soát					
1	Trần Thị Loan Anh	Trưởng BKS	-	413	104
2	Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	52	-	-
3	Đoàn Tiến Dũng	Thành viên	52	-	-
III Ban điều hành					
1	Lê Đăng Khoa	Giám đốc	-	1.086	259
2	Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc	-	775	194
3	Võ Văn Vân	Phó Giám đốc	-	883	223
4	Trương Thị Mỹ Hồng	Kế toán trưởng	-	813	194

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Địa chỉ	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	TP.HCM	06/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2021	Hợp đồng mua nguyên vật liệu. Giá trị: 68.399 tỷ đồng
2	Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	TP.HCM	06/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2021	Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị: 263.732 tỷ đồng
3	Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Công ty liên quan đến người nội bộ	TP. Cần Thơ	11/2021/NQ-HĐQT	Mua, bán vật tư: Giá trị: 0,265 tỷ đồng
4	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Công ty liên quan đến người nội bộ	Sóc Trăng	11/2021/NQ-HĐQT	Mua, bán vật tư. Giá trị: 0,081 tỷ đồng
5	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Công ty liên quan đến người nội bộ	TP. Cần Thơ	11/2021/NQ-HĐQT	Mua bia. Giá trị: 0,467 tỷ đồng
6	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong hệ thống SABECO	TP.HCM	11/2021/NQ-HĐQT	Giá trị giao dịch: 0,565 tỷ đồng
7	Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	Công ty trong hệ thống SABECO	TP.HCM	11/2021/NQ-HĐQT	Giá trị giao dịch: 0,109 tỷ đồng
8	Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn	Công ty trong hệ thống SABECO	TP.HCM	11/2021/NQ-HĐQT	Giá trị giao dịch: 0,064 tỷ đồng
9	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty có liên quan đến người nội bộ	Bạc Liêu	11/2021/NQ-HĐQT	Giá trị giao dịch: 0,056 tỷ đồng
10	Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Công ty liên quan đến người nội bộ	TP.HCM	11/2021/NQ-HĐQT	Mua nước ngọt Chương dương. Giá trị: 0,057 tỷ đồng

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/
1	Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Công ty có liên quan đến người nội bộ	TP.HCM	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Hợp đồng mua/bán nguyên vật liệu. Giá trị: 378.095 tỷ đồng
2	Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Công ty có liên quan đến người nội bộ	TP.HCM	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị: 826.329 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty có liên quan đến người nội bộ	Bạc Liêu	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Bán vật tư: Giá trị: 0,009 tỷ đồng
4	Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn	Công ty trong hệ thống SABECO	TP.HCM	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Giá trị giao dịch: 0,064 tỷ đồng
5	Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu tại Sóc Trăng	Công ty trong hệ thống SABECO	Sóc Trăng	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Giá trị giao dịch: 0,219 tỷ đồng
6	Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Công ty liên quan đến người nội bộ	TP.HCM	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Mua nước ngọt. Giá trị: 0,053 tỷ đồng
7	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Công ty liên quan đến người nội bộ	TP. Cần Thơ	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Mua Bia. Giá trị: 0,195 tỷ đồng

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán.
- Các thông tư, quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.

Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc cung cấp và công bố thông tin chính xác và kịp thời. Đó là trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành.

KẾ HOẠCH NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Tiếp tục duy trì thực hiện các quy định về quản trị công ty theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo tối đa lợi ích của quý Cổ đông; đảm bảo hệ thống quy định quản trị công ty phù hợp với những thay đổi của pháp luật hiện hành có liên quan.



PHẦN 6 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- 01 Ý kiến kiểm toán
- 02 Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00324-22-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		294.385.351.935	254.224.629.330
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	89.711.419.375	64.349.702.229
Tiền	111		131.419.375	215.702.229
Các khoản tương đương tiền	112		89.580.000.000	64.134.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.400.000.000	109.629.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	140.400.000.000	109.629.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.322.724.516	16.641.313.904
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	6.572.415.292	15.145.629.300
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		389.931.227	281.241.264
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.360.377.997	1.214.443.340
Hàng tồn kho	140	9	54.145.469.248	63.503.089.236
Hàng tồn kho	141		55.422.049.761	65.280.495.802
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.276.580.513)	(1.777.406.566)
Tài sản ngắn hạn khác	150		805.738.796	101.523.961
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		805.738.796	101.523.961

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

5

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		564.907.018.332	582.942.661.952
Tài sản cố định	220		443.504.516.884	507.771.624.979
Tài sản cố định hữu hình	221	10	443.504.516.884	507.771.624.979
Nguyên giá	222		987.447.096.238	986.632.866.175
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(543.942.579.354)	(478.861.241.196)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
Bất động sản đầu tư	230	11	3.650.041.629	4.963.159.470
Nguyên giá	231		9.386.489.186	12.588.185.818
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.736.447.557)	(7.625.026.348)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.416.472.493	725.663.402
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	13.416.472.493	725.663.402
Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.064.533.518	53.918.112.632
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	37.783.818.118	37.782.210.432
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	13.980.715.400	16.135.902.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(c)	32.300.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		20.271.453.808	15.564.101.469
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	18.340.505.488	13.486.666.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.930.948.320	2.077.434.812
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		859.292.370.267	837.167.291.282

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		163.528.850.464	164.724.599.835
Nợ ngắn hạn	310		157.028.816.343	157.642.915.964
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	15.023.392.375	12.939.303.739
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.055.144	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	101.853.657.194	105.776.268.829
Phải trả người lao động	314		11.844.608.934	8.818.260.153
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.446.606.638	4.949.236.545
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.062.992.891	9.116.749.337
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	14.754.503.167	16.043.097.361
Nợ dài hạn	330		6.500.034.121	7.081.683.871
Phải trả dài hạn khác	337		69.550.000	511.050.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	6.430.484.121	6.570.633.871
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		695.763.519.803	672.442.691.447
Vốn chủ sở hữu	410	19	695.763.519.803	672.442.691.447
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		331.752.574.495	308.431.746.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		268.148.839.680	236.664.265.156
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		63.603.734.815	71.767.480.983
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		859.292.370.267	837.167.291.282

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập báo cáo tài chính:

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

7

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	780.066.538.222	818.032.184.143
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	668.270.790.606	680.948.332.270
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		111.795.747.616	137.083.851.873
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	14.410.654.820	12.568.669.467
Chi phí tài chính	22	27	187.829.834	3.311.302.326
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		178.605.863	3.630.899.886
Phần lãi trong công ty liên kết	24	7(b)	1.607.686	514.937.810
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	19.231.768.673	21.002.496.896
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + (24 - 26))	30		106.788.411.615	125.853.659.928
Thu nhập khác	31		167.101.332	603.454.890
Chi phí khác	32		291.621.850	30.136.359
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(124.520.518)	573.318.531
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		106.663.891.097	126.426.978.459
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	8.859.921.377	14.177.679.597
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	146.486.492	(2.077.434.812)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		97.657.483.228	114.326.733.674
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	5.927	6.988

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập báo cáo tài chính:

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

8

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		106.663.891.097	126.426.978.459
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		69.241.900.151	69.207.359.754
Các khoản dự phòng	03		(500.826.053)	(933.178.471)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(8.345.059.620)	(8.784.955.010)
Thu nhập từ cổ tức	05		(1.891.807.000)	(3.783.614.000)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		220.956.197	(460.136.364)
Lãi từ thanh lý các hoạt động đầu tư tài chính	05		(4.173.788.200)	-
Phần lãi trong công ty liên kết	05		(1.607.686)	(514.937.810)
Chi phí lãi vay	06		178.605.863	3.630.899.886
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		161.392.264.749	184.788.416.444
Biến động các khoản phải thu				
Biến động hàng tồn kho	09		8.296.050.211	576.768.030
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	10		9.858.446.041	19.095.158.116
Biến động chi phí trả trước	11		3.110.490.476	23.219.174.959
	12		(4.248.166.394)	2.123.288.671
			178.409.085.083	229.802.806.220
Tiền lãi vay đã trả	14		(178.605.863)	(3.843.021.386)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.382.488.077)	(15.798.294.975)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.903.137.921)	(11.925.606.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		155.944.853.222	198.235.882.922

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(18.415.837.782)	(9.968.995.753)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		119.090.909	602.863.637
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(196.480.000.000)	(162.878.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		133.409.000.000	182.869.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		6.328.975.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		9.259.405.797	15.705.145.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.779.366.076)	26.330.013.339
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		163.020.000.000	352.992.636.012
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(163.020.000.000)	(497.965.692.290)
Tiền chi trả cổ tức	36		(64.803.770.000)	(74.115.651.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.803.770.000)	(219.088.707.278)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		25.361.717.146	5.477.188.983
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		64.349.702.229	58.872.513.246
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	89.711.419.375	64.349.702.229

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập báo cáo tài chính:

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát và nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2021	1/1/2021
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 205 nhân viên (1/1/2021: 211 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) **Bất động sản đầu tư cho thuê**

(i) **Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25 năm
--------------------------	------------

(i) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo luật và quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.

(i) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(q) **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) **Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) **Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. **Ảnh hưởng của Covid-19**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty và công ty con. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam trong thời gian gần đây và Ban Điều hành Công ty và các công ty con vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. **Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	37.782.210.432	39.669.672.622
Phần lãi trong công ty liên kết	41.607.686	514.937.810
Cổ tức được chia	-	(2.402.400.000)
Điều chỉnh phần lãi trong công ty liên kết	(40.000.000)	-
Số dư cuối năm	37.783.818.118	37.782.210.432

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng nguồn vốn VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	286.840.729.669	97.921.639.078	188.919.090.591	208.038.427
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	306.015.093.336	117.104.041.172	188.911.052.164	2.574.689.051

(c) **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 5,2% một năm (1/1/2021: không).

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) **Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.397.734.819	15.010.203.450
Các khách hàng khác	174.680.473	135.425.850
Tổng	6.572.415.292	15.145.629.300

(b) **Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.397.734.819	15.010.203.450
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	13.186.800	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.



9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	309.074.000	-	13.100.000	-
Nguyên vật liệu	18.037.721.927	-	22.455.190.906	-
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	5.273.024.696	(1.276.580.513)	5.798.963.974	(1.777.406.566)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.090.323.084	-	25.036.030.448	-
Thành phẩm	13.399.650.104	-	11.617.538.324	-
Hàng hóa	312.255.950	-	359.672.150	-
	55.422.049.761	(1.276.580.513)	65.280.495.802	(1.777.406.566)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 1.277 triệu VND (1/1/2021: 1.777 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.777.406.566	2.390.987.477
Dự phòng trích lập trong năm	565.353.724	560.953.636
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.066.179.777)	(1.174.534.547)
Số dư cuối năm	1.276.580.513	1.777.406.566

25

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	172.990.864.629	783.700.067.476	13.562.788.648	16.379.145.422	986.632.866.175
Tăng trong năm	40.209.076	267.221.228	1.758.000.000	240.000.000	2.305.430.304
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.578.474.805	628.725.303	-	-	2.207.200.108
Chuyển từ bất động sản đầu tư	3.201.696.632	-	-	-	3.201.696.632
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(510.909.091)	-	-	(510.909.091)
Thanh lý	-	(6.289.600.269)	-	(99.587.621)	(6.389.187.890)
Số dư cuối năm	177.811.245.142	777.795.504.647	15.320.788.648	16.519.557.801	987.447.096.238
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	61.632.951.548	396.326.970.092	9.338.522.216	11.562.797.340	478.861.241.196
Khấu hao trong năm	8.513.400.444	57.039.015.867	1.229.180.020	1.418.483.710	68.200.080.041
Chuyển từ bất động sản đầu tư	2.930.398.901	-	-	-	2.930.398.901
Thanh lý	-	(5.949.553.163)	-	(99.587.621)	(6.049.140.784)
Số dư cuối năm	73.076.750.893	447.416.432.796	10.567.702.236	12.881.693.429	543.942.579.354
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	111.357.913.081	387.373.097.384	4.224.266.432	4.816.348.082	507.771.624.979
Số dư cuối năm	104.734.494.249	330.379.071.851	4.753.086.412	3.637.864.372	443.504.516.884

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 62.440 triệu VND (1/1/2021: 55.389 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

26

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	12.588.185.818
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.201.696.632)
	9.386.489.186
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.625.026.348
Khấu hao trong năm	1.041.820.110
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.930.398.901)
	5.736.447.557
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.963.159.470
Số dư cuối năm	3.650.041.629

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	725.663.402	7.922.181.819
Tăng trong năm	15.696.987.380	7.778.176.143
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.207.200.108)	(14.974.694.560)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.309.887.272)	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	510.909.091	-
	13.416.472.493	725.663.402

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	11.622.836.647	985.338.824	878.491.186	13.486.666.657
Tăng trong năm	-	3.513.249.404	2.917.050.000	6.430.299.404
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.309.887.272	-	1.309.887.272
Phân bổ trong năm	(465.474.648)	(1.226.066.523)	(1.194.806.674)	(2.886.347.845)
	11.157.361.999	4.582.408.977	2.600.734.512	18.340.505.488

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.841.417.388	2.880.160.877
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.057.175.000	2.662.116.720
Công Ty TNHH Nhựa Long Thành	991.650.000	-
Các nhà cung cấp khác	10.133.149.987	7.397.026.142
	15.023.392.375	12.939.303.739

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.841.417.388	2.880.160.877

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.414.146.652	720.138.334.488	(719.771.909.820)	87.780.571.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.045.626.182	8.859.921.377	(12.382.488.077)	2.523.059.482
Thuế giá trị gia tăng	11.739.502.546	149.498.741.342	(150.118.177.000)	11.120.066.888
Thuế thu nhập cá nhân	576.993.449	3.031.904.186	(3.178.938.131)	429.959.504
Thuế xuất nhập khẩu	-	11.331.105	(11.331.105)	-
Tiền thuế đất	-	950.801.201	(950.801.201)	-
Các loại thuế khác	-	40.761.037	(40.761.037)	-
	105.776.268.829	882.531.794.736	(886.454.406.371)	101.853.657.194

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	4.316.312.808	3.870.082.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.234.021.339	613.243.320
Phải trả khác	3.512.658.744	4.633.423.209
	9.062.992.891	9.116.749.337

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	16.043.097.361	14.934.879.298
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	11.713.305.806	13.000.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	(3.238.911.829)	-
Sử dụng trong năm	(9.762.988.171)	(11.891.781.937)
Số dư cuối năm	14.754.503.167	16.043.097.361

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	6.570.633.871	6.604.458.871
Dự phòng sử dụng trong năm	(140.149.750)	(33.825.000)
Số dư cuối năm	6.430.484.121	6.570.633.871

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	145.000.000.000	219.010.945.308	280.538.744.572	644.549.689.880
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	114.326.733.674	114.326.733.674
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(72.500.000.000)	(72.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(559.252.691)	(559.252.691)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(374.479.416)	(374.479.416)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	308.431.746.139	672.442.691.447
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	97.657.483.228	97.657.483.228
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(65.250.000.000)	(65.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(11.713.305.806)	(11.713.305.806)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	3.238.911.829	3.238.911.829
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(590.442.607)	(590.442.607)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(21.818.288)	(21.818.288)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	331.752.574.495	695.763.519.803

31

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (2020: 72.500 triệu VND, (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 21.750 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2020: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

32



23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	1.636.266.714	1.332.972.460
Từ hai đến năm năm	6.310.936.278	5.559.350.261
Sau năm năm	52.629.785.944	36.550.975.177
	<u>60.576.988.936</u>	<u>43.443.297.898</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	1.440.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	3.704.683.637	1.140.642.002
	<u>3.704.683.637</u>	<u>2.580.642.002</u>

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2021	1/1/2021
Chai	Chai	1.008.063	982.066
Két	Két	33.003	31.451
		<u>1.041.066</u>	<u>1.013.517</u>

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	766.271.181.662	804.886.761.331
▪ Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt	<u>1.486.409.516.150</u>	<u>1.544.059.543.535</u>
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(720.138.334.488)	(739.172.782.204)
▪ Cung cấp dịch vụ	1.060.693.000	1.523.314.784
▪ Doanh thu khác	12.734.663.560	11.622.108.028
	<u>780.066.538.222</u>	<u>818.032.184.143</u>

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	664.380.676.350	679.097.297.318
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	898.962.038	1.139.924.880
▪ Giá vốn khác	3.491.978.271	1.324.690.983
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(500.826.053)	(613.580.911)
	<u>668.270.790.606</u>	<u>680.948.332.270</u>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.345.059.620	8.784.955.010
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn khác	4.173.788.200	-
Cổ tức được chia	1.891.807.000	3.783.614.000
Doanh thu tài chính khác	-	100.457
	<u>14.410.654.820</u>	<u>12.568.669.467</u>

27. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	178.605.863	3.630.899.886
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(319.597.560)
Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.223.971	-
	<u>187.829.834</u>	<u>3.311.302.326</u>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	12.326.475.344	12.016.122.569
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.268.539.053	1.330.289.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	971.369.217	1.705.247.075
Chi phí quản lý khác	4.665.385.059	5.950.838.169
	<u>19.231.768.673</u>	<u>21.002.496.896</u>

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	498.121.528.293	497.716.432.635
Chi phí nhân công và nhân viên	48.590.993.303	48.589.374.158
Chi phí khấu hao và phân bổ	69.241.900.151	69.207.359.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.638.258.530	48.013.683.173
Chi phí khác	29.909.879.002	38.423.979.446
	<u>627.502.559.282</u>	<u>641.947.829.166</u>

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	8.478.224.826	13.592.096.605
Dự phòng thiếu trong những năm trước	381.696.551	585.582.992
	<u>8.859.921.377</u>	<u>14.177.679.597</u>
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	146.486.492	(2.077.434.812)
	<u>9.006.407.869</u>	<u>12.100.244.785</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	106.663.891.097	126.426.978.459
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.332.778.220	25.285.395.692
Chi phí không được khấu trừ thuế	200.940.906	988.099.199
Thu nhập không bị tính thuế	(378.361.400)	(756.722.800)
Ưu đãi thuế	(4.334.166.406)	(3.874.582.776)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(8.602.821.438)	(7.476.738.596)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	259.854.944	(573.354.114)
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	146.486.492	(2.077.434.812)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	381.696.551	585.582.992
	<u>9.006.407.869</u>	<u>12.100.244.785</u>

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	97.657.483.228	114.326.733.674
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.713.305.806)	(13.000.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	85.944.177.422	101.326.733.674

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.486.490.885.150	1.544.059.543.535
Mua nguyên vật liệu	441.074.407.890	422.207.937.294
Mua công cụ, dụng cụ	-	389.750.000
Cổ tức	33.277.500.000	36.975.000.000
Giao dịch khác	567.780.000	914.399.613
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán hàng hóa	-	28.602.000
Bán nguyên vật liệu	48.296.000	52.075.500
Cung cấp dịch vụ	-	44.338.784
Cổ tức	-	2.402.400.000
Khác	56.487.760	3.653.638
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	47.952.000	-
Mua nguyên vật liệu	212.961.000	32.940.000
Cổ tức	1.891.807.000	3.783.614.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung – Trụ sở chính		
Mua công cụ dụng cụ	1.791.600.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	108.500.000	775.025.540
Khác	-	122.591.709
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Mua hàng hóa	312.259.400	10.530.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	881.384.730	-
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	109.801.820	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn Mua dịch vụ	850.564.924	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn Mua hàng hóa	127.240.000	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam Bán công cụ dụng cụ	9.282.000	-
Công ty Cổ Phần Rượu Bình Tây Mua hàng hoá	112.068.000	-
Hội đồng Quản trị <i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett	130.000.000	240.000.000
Ông Trần Nguyễn Trung	91.000.000	203.367.575
Ông Phạm Đình Hùng	91.000.000	203.367.575
Ông Nguyễn Văn Đồi	91.000.000	203.367.575
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	91.000.000	203.367.575
Ban Giám đốc Lương thưởng	3.421.479.508	3.764.397.141
Ban Kiểm soát Thù lao	621.613.065	845.268.373

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2021 VND	2020 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	-	413.420.098

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Người lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đặng Khoa
Giám đốc





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

Cần Thơ, ngày 01 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Neo Gim Siong Bennett